

**SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.**

# **BẢN CÁO BẠCH**



## **CÔNG TY CỔ PHẦN SIAM BROTHERS**

*(Giấy Chứng nhận ĐKKD: mã số doanh nghiệp 0300812161, đăng ký lần đầu ngày 7/7/2008 và đăng ký thay đổi lần thứ 07 ngày 28/11/2016)*

## **NIÊM YẾT CỔ PHIẾU**

### **TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HỒ CHÍ MINH**

*(Quyết định niêm yết số ...../QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.HCM cấp ngày..... tháng..... năm .....)*

*Bản cáo bạch này và các tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:*

#### **CÔNG TY CỔ PHẦN SIAM BROTHERS VIỆT NAM**

*Trụ sở chính:* Tòa nhà Anna, số 10, Khu công nghiệp phần mềm Quang Trung, phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, TP.HCM

*Điện thoại:* (08) 38 912 889

*Fax:* (08) 38 912 789

#### **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH (HSC)**

*Trụ sở chính:* Tầng 5&6, Tòa nhà AB, 76 Lê Lai, Quận 1, TP.HCM

*Điện thoại:* (+84 8) 3823 3299, (+84 8) 3829 3826

*Fax:* (+84 8) 3823 3301

*Phụ trách công bố thông tin:*

*Họ tên:* Lê Thị Thanh Thy

*Chức vụ:* Chuyên viên tài chính

*Điện thoại:* (08) 38 912 889

*Fax:* (08) 38 912 789

**Tp. Hồ Chí Minh, tháng 04 năm 2017**

# CÔNG TY CỔ PHẦN SIAM BROTHERS VIỆT NAM

(Giấy Chứng nhận ĐKKD: mã số doanh nghiệp 0300812161, đăng ký lần đầu ngày 7/7/2008 và đăng ký thay đổi lần thứ 07 ngày 28/11/2016)



## NIÊM YẾT CỔ PHIẾU

### TRÊN SỔ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HỒ CHÍ MINH

**Tên cổ phiếu:** Cổ phiếu Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam  
**Loại cổ phiếu:** Cổ phiếu phổ thông  
**Mệnh giá:** 10.000 (Mười nghìn) đồng/cổ phiếu  
**Tổng số lượng niêm yết:** 20.540.000 (Hai mươi triệu năm trăm bốn mươi nghìn) cổ phần  
**Tổng giá trị niêm yết:** 205.400.000.000 (Hai trăm lẻ năm tỷ bốn trăm triệu) đồng

**TỔ CHỨC TƯ VẤN:**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TP HỒ CHÍ MINH**



Trụ sở chính: Tầng 5&6, Tòa nhà AB, 76 Lê Lai, Quận 1, TP.HCM

Điện thoại: (+84 8) 3823 3299, (+84 8) 3829 3826

Fax: (+84 8) 3823 3301

Website: <https://www.hsc.com.vn/vn>

**TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:**

**CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KPMG TẠI TP.HCM**



Địa chỉ: Lầu 10, Tòa nhà Sun Wah, Số 115, Nguyễn Huệ, Quận 1

Điện thoại: (+84 8) 3821 9266 Fax: (+84 8) 3821 9267

Website: [home.kpmg.com](http://home.kpmg.com)

## MỤC LỤC

1.	RỦI RO VỀ KINH TẾ .....	6
6.	RỦI RO VỀ PHÁP LUẬT .....	9
7.	RỦI RO ĐẶC THÙ NGÀNH NGHỀ .....	9
8.	RỦI RO VỀ NGUYÊN LIỆU .....	9
9.	RỦI RO KHÁC .....	11
<b>II.</b>	<b>NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH .....</b>	<b>12</b>
1.	TỔ CHỨC NIÊM YẾT .....	12
2.	TỔ CHỨC TƯ VẤN .....	12
<b>III.</b>	<b>CÁC KHÁI NIỆM.....</b>	<b>13</b>
<b>IV.</b>	<b>TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT .....</b>	<b>14</b>
1.	TÓM TẮT QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN .....	14
1.2.	QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH, PHÁT TRIỂN .....	14
2.	CƠ CẤU TỔ CHỨC CÔNG TY .....	16
3.	DANH SÁCH CỔ ĐÔNG NẪM GIỮ TỪ TRÊN 5% VỐN CỔ PHẦN CỦA CÔNG TY; DANH SÁCH CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP CỦA CÔNG TY; CƠ CẤU CỔ ĐÔNG .....	24
4.	DANH SÁCH NHỮNG CÔNG TY MẸ VÀ CÔNG TY CON CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT, NHỮNG CÔNG TY MÀ TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT ĐANG NẪM GIỮ QUYỀN KIỂM SOÁT HOẶC CỔ PHẦN CHI PHỐI, NHỮNG CÔNG TY NẪM QUYỀN KIỂM SOÁT HOẶC CỔ PHẦN CHI PHỐI ĐỐI VỚI TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT .....	25
5.	HOẠT ĐỘNG KINH DOANH .....	26
6.2.1.	NGUỒN NGUYÊN LIỆU CHÍNH VÀ CÁC NHÀ CUNG CẤP: .....	28
6.2.2.	ẢNH HƯỞNG CỦA GIÁ CẢ NGUYÊN VẬT LIỆU TỚI DOANH THU, LỢI NHUẬN: .....	29
7.	BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH .....	36
7.1.	TÓM TẮT MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA CÔNG TY TRONG HAI NĂM GẦN NHẤT .....	36
8.1.	VỊ THẾ CỦA CÔNG TY TRONG NGÀNH .....	37
8.2.	TRIỂN VỌNG PHÁT TRIỂN CỦA NGÀNH .....	38
8.3.	SO SÁNH VỀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA CÁC DOANH NGHIỆP TRONG CÙNG NGÀNH.....	40
8.4.	ĐÁNH GIÁ VỀ SỰ PHÙ HỢP ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CỦA CÔNG TY VỚI ĐỊNH HƯỚNG CỦA NGÀNH, CHÍNH SÁCH CỦA NHÀ NƯỚC VÀ XU THẾ CHUNG TRÊN THẾ GIỚI.....	41
9.	CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG.....	42
10.	CHÍNH SÁCH CỔ TỨC .....	45
11.	TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH.....	46
11.1.	CÁC CHỈ TIÊU CƠ BẢN: .....	46

11.2. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU .....	50
12. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT, KẾ TOÁN TRƯỞNG.....	51
13. TÀI SẢN .....	71
14. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH, LỢI NHUẬN VÀ CỔ TỨC TRONG NĂM 2016 - 2017 .....	72
14.1 MỘT SỐ CHỈ TIÊU KINH TẾ TÀI CHÍNH CHỦ YẾU NĂM 2016 -2017 .....	72
15. ĐÁNH GIÁ CỦA TỔ CHỨC TƯ VẤN VỀ KẾ HOẠCH LỢI NHUẬN VÀ CỔ TỨC.....	73
16. THÔNG TIN VỀ NHỮNG CAM KẾT NHƯNG CHƯA THỰC HIỆN CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT:.....	73
17. CÁC THÔNG TIN, CÁC TRANH CHẤP KIẾN TỤNG LIÊN QUAN TỚI CÔNG TY CỔ PHẦN SIAM BROTHERS MÀ CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIÁ CẢ CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT:.....	73
<b>V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT.....</b>	<b>74</b>
1. LOẠI CHỨNG KHOÁN: CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG .....	74
2. MỆNH GIÁ: 10.000 (MƯỜI NGHÌN) ĐỒNG/CỔ PHIẾU .....	74
3. TỔNG SỐ CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT: 20.540.000 (HAI MƯƠI TRIỆU NĂM TRĂM BỐN MƯƠI NGHÌN) CỔ PHIẾU .....	74
4. SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU BỊ HẠN CHẾ CHUYỂN NHƯỢNG THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VÀ CỦA CÔNG TY.....	74
5. PHƯƠNG PHÁP TÍNH GIÁ.....	75
6. GIỚI HẠN VỀ TỶ LỆ NẮM GIỮ ĐỐI VỚI NGƯỜI NƯỚC NGOÀI.....	76
<b>CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT .....</b>	<b>78</b>
<b>VI. PHỤ LỤC.....</b>	<b>79</b>

## DANH MỤC CÁC HÌNH ẢNH

Hình 1: Tỷ lệ lạm phát ở Việt Nam giai đoạn 2008 – 2015.....	8
Hình 2: Sơ Đồ Cơ Cấu Quản Lý.....	17
Hình 3: Sơ Đồ Cơ Cấu Tổ Chức.....	18

## DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU

Bảng 1: Tình hình tăng trưởng của Việt Nam từ 2006 – 2016.....	5
Bảng 2: Tỷ lệ lạm phát của Việt Nam từ 2006 – 2016.....	7
Bảng 3: Tỷ lệ lãi suất Ngân hàng Nhà nước từ 2006 – 2015.....	7
Bảng 4: Ngành nghề kinh doanh trong giấy phép.....	14
Bảng 5: Quá trình tăng vốn của công ty.....	16
Bảng 6: Danh sách cổ đông lớn.....	24
Bảng 7: Danh sách cổ đông sáng lập.....	24
Bảng 8: Cơ cấu cổ đông.....	25
Bảng 9: Cơ cấu doanh thu theo nhóm sản phẩm.....	28
Bảng 10: Cơ cấu lợi nhuận gộp theo nhóm sản phẩm.....	28
Bảng 11: Danh sách nhà cung cấp nguyên vật liệu.....	29
Bảng 12: Danh sách chi phí 2015 và 2016.....	30
Bảng 13: Danh sách các hợp đồng lớn.....	35
Bảng 14: Một số chỉ tiêu hoạt động kinh doanh 2015 – 2016.....	36
Bảng 15: Giá trị Nông Lâm Thủy Sản 6 tháng hai năm 2015 và 2016.....	39
Bảng 16: Tình hình tài chính một số doanh nghiệp cùng ngành 2015.....	40
Bảng 17: Tình hình tài chính một số doanh nghiệp cùng ngành 9 tháng 2016.....	40
Bảng 18: Cơ cấu lao động.....	42
Bảng 19: Tỷ lệ chi trả cổ đông 2011 – 2015.....	45
Bảng 20: Tình hình vốn điều lệ và vốn kinh doanh 2015 – 2016.....	46
Bảng 21: Tình hình sử dụng vốn kinh doanh và vốn điều lệ 2015 – 2016.....	46
Bảng 22: Số dư các quỹ năm 2015 và 2016.....	48
Bảng 23: Tình hình nợ vay năm 2015 và 2016.....	49
Bảng 24: Các khoản phải thu năm 2015 và 2016.....	49
Bảng 25: Các khoản phải trả năm 2015 và 2016.....	49
Bảng 26: Các chỉ tiêu tài chính năm 2015 và 2016.....	50
Bảng 27: Giá trị tài sản cố định.....	74
Bảng 28: Nhà cửa, vật liệu kiến trúc thuộc sở hữu.....	74
Bảng 29: Danh sách đất đai.....	75
Bảng 30: Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và tỷ lệ cổ tức năm 2015 – 2016.....	76
Bảng 31: Số lượng cổ phiếu của cổ đông là thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Ban giám đốc, Kế toán trưởng.....	77

## I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

### 1. Rủi ro về kinh tế

Tăng trưởng của nền kinh tế có ảnh hưởng quan trọng đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Khi nền kinh tế tăng trưởng thì cơ hội kinh doanh của doanh nghiệp cũng gia tăng và ngược lại. Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) là một trong những tiêu chí quan trọng nhất phản ánh thực trạng nền kinh tế. Khi tốc độ tăng trưởng GDP cao, sức cầu của nền kinh tế tăng lên và ngược lại khi tốc độ tăng trưởng thấp sức cầu của nền kinh tế có chiều hướng giảm.

Tỉ lệ tăng trưởng GDP của Việt Nam trong giai đoạn 2006 – 2010 đạt bình quân gần 7%/năm, riêng trong năm 2006 và 2007 GDP tăng khá ấn tượng, trên 8%/năm. Tuy nhiên, do những bất ổn vĩ mô của nền kinh tế và do ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu, tỉ lệ tăng trưởng GDP trong giai đoạn 2011 – 2013 có xu hướng giảm xuống, còn bình quân gần 5,4%/năm. Đến năm 2014, tỉ lệ tăng trưởng GDP có xu hướng phục hồi, đạt 5,98%, do các chính sách kinh tế vĩ mô đã có tác dụng và nền kinh tế thế giới có xu hướng phục hồi. Số liệu về tỉ lệ tăng trưởng GDP của Việt Nam trong giai đoạn 2006 – 2016 được thể hiện trong Bảng dưới đây:

**Bảng 1: Tình hình tăng trưởng của Việt Nam từ 2006 - 2016**

Năm	2006	2007	2008	2009	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016
GDP (%)	8,17	8,44	6,23	5,32	6,78	5,89	5,03	5,42	5,98	6,68	6,15

*Nguồn: Tổng Cục Thống kê và World Bank.*

Ngân hàng Phát triển Á Châu (ADB) cùng với Ngân hàng Thế giới (WB) dự báo tỉ lệ tăng trưởng GDP của Việt Nam năm 2017 khoảng 6.3%. Tuy nhiên với những biến động không lường của tình hình chính trị thế giới, cùng với hiện tượng thay đổi khí hậu ngày càng diễn ra phức tạp, dự kiến năm 2017 sẽ có nhiều thay đổi lớn trong nền kinh tế toàn cầu. Thứ nhất, nhiệt độ trung bình hàng năm ngày càng tăng cao sẽ gây nhiều khó khăn cho khu vực nông nghiệp vốn vẫn còn hoạt động thô sơ nhỏ lẻ. Thứ hai, xu hướng chống toàn cầu hóa đang gia tăng ở Mỹ và các quốc gia Tây Âu sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến khả năng ký kết các hiệp định thương mại tự do, mà trong đó đặc biệt nhất là TPP. Thứ ba, với việc là đối tác kinh tế lớn thứ nhất và thứ 2 của Việt Nam, thì việc giảm tốc của 2 nền kinh tế Mỹ và Trung Quốc cũng sẽ ảnh hưởng ít nhiều đến tình hình kinh tế trong nước.

Một điểm đặc biệt đáng lưu ý nữa trong năm 2017 là tình hình lạm phát sẽ có nhiều diễn biến không thuận lợi cho nền kinh tế vĩ mô. Sau thời gian giảm mạnh từ năm 2011 đến nay, chỉ số CPI trong năm 2016 đã có dấu hiệu tăng trở lại ở mức 2,6%. Tuy chính phủ đã đề ra chỉ tiêu lạm phát trong năm 2017 không được vượt quá mức 4%, nhưng theo nhiều chuyên gia kinh tế, điều này sẽ khó lòng đạt được do giá xăng dầu thế giới đang có xu hướng tăng trở lại và hai nhóm dịch vụ có ảnh hưởng lớn nhất đến chỉ số CPI là y tế và giáo dục vẫn không có dấu hiệu chững lại. Để đối phó với những biến động này, chính phủ đã đề ra nhiều giải pháp khác nhau như điều chỉnh khung giá bán lẻ điện, điều hành linh hoạt tỉ giá đồng USD, hay triển khai đấu thầu giá thuốc với mục tiêu kéo giá thuốc giảm 10-15%. Tuy nhiên ngay cả với những nỗ lực của Nhà

nước trong nỗ lực bình ổn giá, chúng tôi vẫn dự đoán lạm phát sẽ tăng gần gấp đôi so với năm 2016, và điều này sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến tình hình hoạt động sản xuất của Công ty.

**Bảng 2: Tỷ lệ lạm phát của Việt Nam từ 2006 - 2016**

Năm	2006	2007	2008	2009	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016
Tỷ lệ lạm phát (%)	6,6	8,3	22,9	6,52	11,75	18,13	9,21	6,04	4,09	0,63	2,6

*Nguồn: Tổng Cục Thống kê.*

## 2. Rủi ro về lãi suất

Một yếu tố quan trọng khác ảnh hưởng đến hoạt động của nền kinh tế và hoạt động của doanh nghiệp đó là lãi suất. Đối với các doanh nghiệp, lãi suất cho vay là chi phí đầu vào của quá trình sản xuất kinh doanh. Sự biến động về lãi suất cho vay trên thị trường ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả sản xuất kinh doanh hay nói cách khác là tác động trực tiếp đến lợi nhuận của doanh nghiệp. Số liệu về lãi suất tái chiết khấu và lãi suất tái cấp vốn của Ngân hàng Nhà nước trong giai đoạn 2006 – 2015 như sau:

**Bảng 3: Tỷ lệ lãi suất Ngân hàng Nhà nước từ 2006 – 2016**

Năm	2006	2007	2008	2009	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016
Lãi suất tái chiết khấu trung bình (%/năm)	4,5	4,5	10,0	6,0	6,2	10,7	10,0	6,0	4,5	4,5	4,5
Lãi suất tái cấp vốn trung bình (%/năm)	6	6	11,9	7,5	8,2	13	11,5	7,5	6,5	6,5	6,5

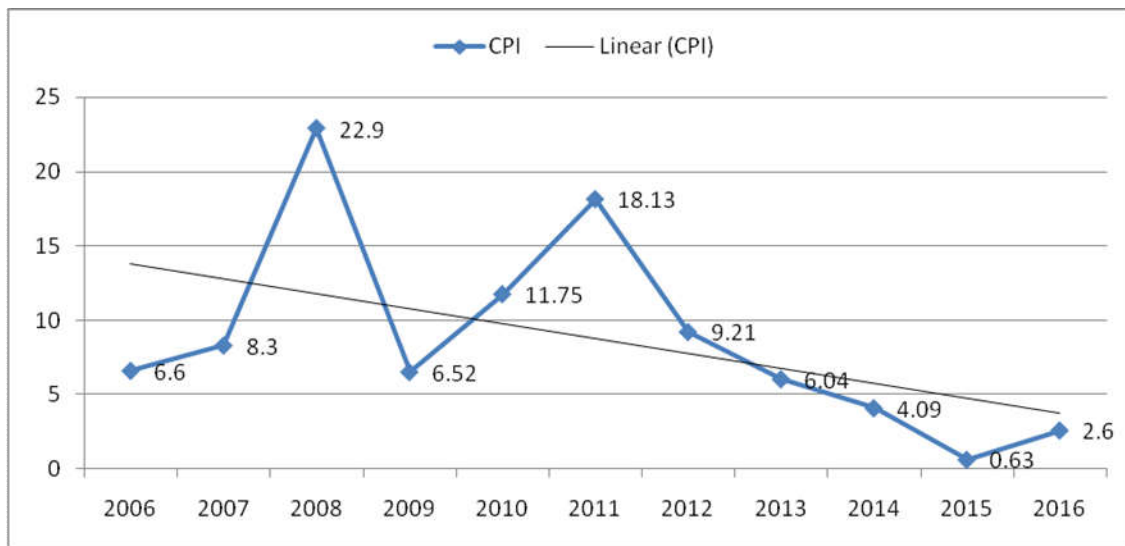
*Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam*

Trên cơ sở lãi suất điều hành của Ngân hàng Nhà nước, hệ thống ngân hàng thương mại sẽ quyết định mức lãi suất huy động vốn và lãi suất cho vay. Trong trường hợp lãi suất cho vay của các ngân hàng thương mại thay đổi, sẽ làm cho chi phí vay nợ thay đổi. Từ đó sẽ ảnh hưởng đến chi phí tài chính và đến tổng thu nhập của Công ty. Trong năm 2016, mặt bằng lãi suất có nhiều biến động lớn do một số diễn biến của hệ thống ngân hàng dẫn đến cạnh tranh về nhu cầu huy động vốn trong Quý I. Sang đến Quý IV 2016, mặt bằng lãi suất lại một lần nữa chịu áp lực do kết quả bầu cử Mỹ, và quyết định tăng lãi suất của FED. Theo dự đoán của chúng tôi, lãi suất trong năm 2017 sẽ chịu nhiều áp lực do hệ thống ngân hàng vẫn còn tồn đọng nhiều vấn đề và lộ trình tăng lãi suất của FED sẽ gây ra nhiều nguy cơ rủi ro cho tỷ giá đồng USD. Tuy nhiên, với chính sách điều hành lãi suất hiện tại của Ngân hàng Nhà nước cùng với nguồn cung ngoại tệ ổn định, Công ty kỳ vọng lãi suất vay nợ sẽ không có nhiều biến động trong năm 2017 và chỉ giao động nhẹ trong mức cuối năm 2016. Song song với đó, Công ty luôn nỗ lực để duy trì mức nợ vay và chi phí tài chính hợp lý để hạn chế các tác động tiêu cực do biến động lãi suất và đảm bảo mục tiêu lợi nhuận kinh doanh của Công ty trong năm 2017 và các năm sắp tới.

### 3. Rủi ro về lạm phát

Sau thời gian giảm mạnh từ năm 2011 đến nay, chỉ số CPI trong năm 2016 đã có dấu hiệu tăng trở lại ở mức 2,6%. Tuy chính phủ đã đề ra chỉ tiêu lạm phát trong năm 2017 không được vượt quá mức 4%, nhưng theo nhiều chuyên gia kinh tế, điều này sẽ khó lòng đạt được do giá xăng dầu thế giới đang có xu hướng tăng trở lại và hai nhóm dịch vụ có ảnh hưởng lớn nhất đến chỉ số CPI là y tế và giáo dục vẫn không có dấu hiệu chững lại. Để đối phó với những biến động này, chính phủ đã đề ra nhiều giải pháp khác nhau như điều chỉnh khung giá bán lẻ điện, điều hành linh hoạt tỉ giá đồng USD, hay triển khai đấu thầu giá thuốc với mục tiêu kéo giá thuốc giảm 10-15%. Tuy nhiên ngay cả với những nỗ lực của Nhà nước trong nỗ lực bình ổn giá, chúng tôi vẫn dự đoán lạm phát sẽ tăng gần gấp đôi so với năm 2016, và điều này sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến tình hình hoạt động sản xuất của Công ty.

*Hình 1: Tỷ lệ lạm phát ở Việt Nam giai đoạn 2008 – 2016*



*(Nguồn: Tổng Cục Thống Kê)*

### 4. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài

Nguồn vốn đầu tư nước ngoài đóng vai trò rất quan trọng trong việc hình thành và phát triển các khu công nghiệp. Thực tế cho thấy, phần lớn nguồn vốn đầu tư vào các khu công nghiệp ở Việt Nam là nguồn vốn FDI. Ngoài ra, các khu dân cư và dịch vụ phát triển mạnh trong thời gian qua cũng có một phần đóng góp không nhỏ từ nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.

Cục đầu tư nước ngoài cho biết, trong năm 2016 nhà đầu tư nước ngoài đã đầu tư vào 19 lĩnh vực, trong đó công nghiệp chế biến, chế tạo nhận được nhiều sự quan tâm nhất với 1020 dự án đầu tư đăng ký mới và 861 lượt dự án điều chỉnh vốn; tổng số vốn cấp mới và tăng thêm là 15,53 tỷ USD, chiếm 63,7 tổng vốn đầu tư đăng ký cả năm. Lĩnh vực bán buôn, bán lẻ, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy đứng thứ 2 với 505 dự án cấp mới, tổng vốn đăng ký cấp mới, tăng thêm và góp vốn mua cổ phần là 1,899 tỷ USD, chiếm 7,79% tổng vốn đầu tư đăng ký. Lĩnh vực hoạt động kinh doanh bất động sản đứng thứ 3 với 1,68 tỷ USD, chiếm 6,9% tổng vốn đầu tư.



Năm 2016 có 95 quốc gia và vùng lãnh thổ có dự án đầu tư tại Việt Nam. Hàn Quốc dẫn đầu với tổng vốn đầu tư đăng ký cấp mới, vốn tăng thêm và góp vốn, mua cổ phần là 7 tỷ USD, chiếm 28,8% tổng vốn đầu tư vào Việt Nam. Nhật Bản đứng vị trí thứ hai với tổng vốn đầu tư đăng ký cấp mới, tăng thêm và góp vốn mua cổ phần là 2,58 tỷ USD, chiếm 10,62% tổng vốn đầu tư đăng ký; Singapore đứng vị trí thứ 3 với tổng vốn đầu tư đăng ký cấp mới, tăng thêm và góp vốn mua cổ phần là 2,41 tỷ USD, chiếm 9,9% tổng vốn đầu tư.

#### **5. Rủi ro về tỷ giá hối đoái**

Đặc thù của Công ty là phần lớn nguyên liệu được nhập khẩu và thanh toán bằng ngoại tệ (USD) trong khi sản phẩm được tiêu thụ chủ yếu tại thị trường nội địa và được thanh toán bằng tiền Đồng (VND). Do đó, khi tỉ giá thay đổi sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty

Đầu năm 2016, Ngân hàng Nhà nước đã áp dụng chính sách điều hành tỉ giá mới. Theo đó, Ngân hàng Nhà nước sẽ công bố tỉ giá trung tâm hàng ngày. Sự biến động của tỉ giá trong thời gian tới rất khó dự đoán do chính sách thay đổi tỉ giá của các nước. Tuy nhiên, theo dự báo của chúng tôi, tỉ giá VND/USD sẽ chịu nhiều áp lực trong tương lai do Cục Dự trữ Liên Bang Hoa Kỳ FED sẽ có nhiều đợt tăng lãi suất trong năm 2017. Trong trường hợp các nước tiếp tục điều chỉnh tỉ giá mạnh mẽ trong thời gian tới, tỉ giá VND/USD có thể sẽ tăng lên thêm và sẽ đòi hỏi phải có những điều chỉnh thích hợp từ Ngân hàng Nhà nước. Trong trường hợp tỉ giá hối đoái VND/USD biến động ngoài dự kiến, kết quả kinh doanh của Công ty sẽ bị ảnh hưởng.

#### **6. Rủi ro về pháp luật**

Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần và có vốn đầu tư nước ngoài, do đó các hoạt động của Công ty chịu chi phối bởi các luật Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất nhập khẩu, Luật Đất đai, Luật Bảo vệ môi trường, Bộ Luật Lao động và luật liên quan trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Hệ thống pháp luật của Việt Nam hiện nay đang thay đổi nhanh chóng và hoàn thiện để phù hợp với thực tiễn và quá trình hội nhập quốc tế. Sự thay đổi của luật pháp liên quan sẽ tác động đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp nói chung và của Công ty nói riêng.

Để hạn chế bớt các tác động tiêu cực do sự thay đổi của pháp luật, Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam luôn nỗ lực nghiên cứu luật pháp, đồng thời thuê các tổ chức, cá nhân có năng lực để tư vấn cho Công ty về các luật liên quan đến các lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty.

#### **7. Rủi ro đặc thù ngành nghề**

##### **Rủi ro về nguyên liệu**

Nguyên liệu là yếu tố chiếm tỉ trọng lớn nhất trong giá thành sản phẩm của Công ty nên những biến động liên quan đến nguyên liệu đầu vào sẽ ảnh hưởng quan trọng đến kết quả kinh doanh. Nguyên vật liệu chính trong quá trình sản xuất là hạt nhựa PP và hạt nhựa PE. Hạt nhựa PP được mua từ trong nước và hạt nhựa PE được nhập khẩu. Rủi ro do những thay đổi trong nguồn cung

cấp nguyên liệu sẽ ảnh hưởng đến quá trình sản xuất của Công ty, cụ thể là ảnh hưởng đến tiến độ sản xuất, chất lượng sản phẩm,...

Một yếu tố quan trọng khác liên quan đến nguyên liệu đầu vào là giá cả. Khi giá cả nguyên liệu đầu vào tăng sẽ làm tăng giá thành sản phẩm và ngược lại. Giá thành sản phẩm tăng sẽ tác động tiêu cực đến hoạt động bán hàng, đến khả năng cạnh tranh của sản phẩm và hoạt động kinh doanh của Công ty.

Giá cả nguyên liệu hạt nhựa PE và PP không chỉ phụ thuộc rất nhiều vào mức cung - cầu hạt nhựa trên thị trường mà còn phụ thuộc vào giá dầu thô trên thị trường quốc tế. Nói chung, khi giá dầu thô tăng, giá hạt nhựa sẽ tăng theo và ngược lại. Hiện tại, giá dầu thô trong năm 2016 tuy đã có chiều hướng tăng nhẹ nhưng vẫn ở mức thấp so với giai đoạn 2011-2015. Theo chúng tôi, giá dầu trong năm 2017 sẽ khó có khả năng tăng mạnh do nguồn dự trữ dầu thô vẫn của khối OPEC vẫn còn rất dồi dào.

Tuy nhiên để hạn chế bớt rủi ro về nguồn nguyên liệu, Công ty đã tìm kiếm và thiết lập quan hệ kinh doanh với các nhà cung cấp có uy tín, hoạt động kinh doanh ổn định. Công ty đánh giá những rủi ro về nhà cung cấp là không đáng kể.

Đối với các biến động về giá nguyên liệu, do giá cả dầu thô trên thị trường quốc tế chịu nhiều tác động rất lớn từ các yếu tố kinh tế, chính trị thế giới nên công ty sẽ không chủ động dự trữ theo dự báo diễn biến giá dầu. Thay vào đó Công ty sẽ mua vật tư theo dự báo nhu cầu sản xuất trong tương lai. Khi giá nguyên vật liệu có biến động lớn Công ty sẽ xem xét nghiên cứu lại chính sách giá cho phù hợp. Tuy nhiên chúng tôi cho rằng giá nguyên liệu hạt nhựa PE và PP sẽ không biến động nhiều trong năm 2017 và sẽ không gây nhiều biến động trong kết quả kinh doanh của Công ty.

### **Rủi ro cạnh tranh**

Hiện nay tuy Công ty đã khẳng định được vị thế của mình trên thị trường với 24% tổng thị phần các loại dây, Công ty vẫn phải đối mặt với nhiều thách thức cạnh tranh từ các đối thủ trong nước và nước ngoài như Lưới Thành Lợi hay Lưới Sài Gòn (trong nước), Ching Fa (Đài Loan), Penro (Mã Lai), King Chou (Đài Loan)... Trong đó, các Công ty nước ngoài là đối thủ chính do bản thân các công ty này cũng được thừa hưởng công nghệ hiện đại, kinh nghiệm lâu năm và nguồn lực lớn như Siam Brothers.

Công ty có 2 mảng dây chính, là Dây Thừng và Dây Bện, trong đó mảng dây thừng là thế mạnh của Công ty: Công ty hiện nay với 2 nhãn hiệu Con Gà và Hải Mã chiếm tới 84% toàn thị trường, các sản phẩm khác chỉ chiếm chưa đầy 16% còn lại. Giành được một phần đáng kể thị trường như vậy là do Công ty đã chú trọng nâng cao chất lượng sản phẩm từ khâu đầu vào đến khâu đầu ra. Các sản phẩm dây thừng của Công ty rất đa dạng về chủng loại và mẫu mã, và đều được chứng nhận đạt tiêu chuẩn ISO nên dành được sự ủng hộ và tin tưởng của ngư dân.

Tuy không chiếm thị phần đáng kể như mảng Dây Thừng, mảng Dây Bện cũng chiếm tỉ lệ cao nhất trên thị trường với 37% thị phần cả nước. Ngoài ra Công ty cũng vấp phải cạnh tranh từ các mặt hàng được nhập về từ Trung Quốc với hơn 15% thị phần. Tuy vậy với chất lượng ổn định,

cùng với chế độ bảo hành lên đến 3 năm nên tuy sản phẩm của Công ty đắt hơn các đối thủ khác vẫn giúp Công ty chiếm ưu thế trên thị trường. Với tầm nhìn chiến lược cho những năm tiếp theo, Công ty đã và đang mở rộng năng lực sản xuất nhằm tiếp tục hạ giá thành sản phẩm và có thể cạnh tranh tốt hơn với đối thủ cả trong và ngoài nước

### **Các Rủi ro đặc thù khác**

Các rủi ro đặc thù khác liên quan đến hoạt động của Công ty gồm có:

- Rủi ro ngư trường đánh bắt: Các liên quan đến tranh chấp của các nước trong vùng Biển Đông;
- Rủi ro môi trường: Các quy định liên quan đến bảo vệ nguồn lợi thủy, hải sản;
- Rủi ro thiên nhiên: Liên quan đến mưa, bão làm ảnh hưởng đến việc đánh bắt thủy, hải sản của ngư dân;
- Rủi ro về công nghệ đánh bắt,...
- Các thay đổi liên quan đến các yếu tố nêu trên sẽ ảnh hưởng đến quá trình đầu tư, mua sắm ngư cụ của ngư dân và do đó sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty.

### **8. Rủi ro khác**

Các rủi ro khác như thiên tai (bão, lũ, động đất,...) địch họa, hỏa hoạn,... là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động của Công ty. Khả năng xảy ra những rủi ro này thấp nhưng thường gây thiệt hại lớn. Công ty luôn quan tâm và có các biện pháp để phòng tránh cũng như giảm thiểu thiệt hại khi có rủi ro

## **II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH**

### **1. Tổ chức niêm yết**

#### **CÔNG TY CỔ PHẦN SIAM BROTHERS**

Ông : **Veerapong Sawatyanon** Chức vụ : Chủ tịch HĐQT

Ông : **Fan Weng Kee** Chức vụ : Giám đốc

Bà : **Đặng Thị Mỹ Kim** Chức vụ : Kế toán trưởng

Ông : **Nguyễn Trần Quỳnh** Chức vụ : Trưởng ban Kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

### **2. Tổ chức tư vấn**

#### **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Ông : **Phạm Ngọc Bích** Chức vụ : Giám đốc Điều hành

*(Giấy ủy quyền số 02-2016/GUQ-HSC của Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Tp.HCM)*

Bản cáo bạch này là một phần của Hồ sơ đăng ký niêm yết do Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần Siam Brothers. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Siam Brothers cung cấp.

### III. CÁC KHÁI NIỆM

**SBVN/ Công ty/**

<b>Tổ chức niêm yết</b>	:	Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam
<b>CTCP</b>	:	Công ty Cổ phần
<b>TNHH</b>	:	Trách nhiệm hữu hạn
<b>HSC</b>	:	Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
<b>Cổ phiếu</b>	:	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Siam Brothers
<b>UBCKNN</b>	:	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
<b>KCN</b>	:	Khu công nghiệp
<b>UBND</b>	:	Ủy ban nhân dân
<b>ĐHĐCĐ</b>	:	Đại hội đồng cổ đông
<b>HDQT</b>	:	Hội đồng quản trị
<b>BGD</b>	:	Ban giám đốc
<b>BKS</b>	:	Ban kiểm soát
<b>GD</b>	:	Giám đốc
<b>CBCNV</b>	:	Cán bộ công nhân viên
<b>Giấy CNĐKKD</b>	:	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
<b>BCTC</b>	:	Báo cáo tài chính
<b>DTT</b>	:	Doanh thu thuần
<b>LNST</b>	:	Lợi nhuận sau thuế
<b>Thuế TNDN</b>	:	Thuế thu nhập doanh nghiệp
<b>VND</b>	:	Đồng Việt Nam
<b>BQLDA</b>	:	Ban quản lý dự án
<b>BĐHDA</b>	:	Ban điều hành dự án
<b>Công ty TNHH MTV</b>	:	Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên

#### IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

##### 1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

###### 1.1. Giới thiệu chung về tổ chức niêm yết

**Tên Công ty:** CÔNG TY CỔ PHẦN SIAM BROTHERS VIỆT NAM

**Tên giao dịch đối ngoại:** SIAM BROTHERS VIETNAM JOINT STOCK COMPANY

**Tên viết tắt:** SBVN

**Logo:**



**Địa chỉ:** Tòa nhà Anna, số 10, Công viên phần mềm Quang Trung, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh

**Điện thoại:** (08) 38 912 889

**Fax:** (08) 38 912 789

**Website:** [www.siambrothersvn.com](http://www.siambrothersvn.com)

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: Giấy Chứng nhận ĐKKD: mã số doanh nghiệp 0300812161, đăng ký lần đầu ngày 7/7/2008 và đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 28 tháng 11 năm 2016.

Bảng 4: Ngành nghề kinh doanh trong giấy phép:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Sản xuất các loại dây PP, dây PE, dây thừng bện dùng trong nông, ngư nghiệp.	1324
2	Sản xuất các phụ kiện, trang cụ, trang thiết bị bằng nhựa dùng trong nông ngư nghiệp.	2220
3	Sản xuất và phát triển phần mềm máy tính.	6201
4	Thực hiện quyền nhập khẩu, quyền xuất khẩu, quyền phân phối bán buôn (không thành lập cơ sở bán buôn) các sản phẩm có mã HS (theo quy định của Biểu Thuế Xuất khẩu – Nhập khẩu) như sau: các mặt hàng sử dụng trong lĩnh vực ngư nghiệp: 5608, 5607, 8539, 8421, 8418, 3916, 3926, 3208; các mặt hàng sử dụng trong lĩnh vực nông nghiệp: 8432, 8433, 8434, 8436, 5803.	4699

Vốn điều lệ thực góp: 205.400.000.000 (Hai trăm lẻ năm tỷ bốn trăm triệu) đồng.

###### 1.2. Quá trình hình thành, phát triển

###### 1.2.1 Lịch sử hình thành và quá trình phát triển:

Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam tiền thân là Công ty TNHH Siam Brothers Việt Nam, được thành lập năm 1995 theo Giấy chứng nhận đầu tư số 1321/GP do Ủy ban Nhà nước về Hợp

tác và Đầu tư, nay là Bộ Kế hoạch và Đầu tư, cấp ngày 18 tháng 07 năm 1995, với 100% vốn đầu tư của Công ty Siam Brothers Group – Thái Lan. Siam Brothers Group là nhà sản xuất hàng đầu về ngư lưới cụ tại Thái Lan, với gần 50 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực sản xuất dây thừng, lưới đánh cá phục vụ cho ngành đánh bắt thủy, hải sản, vận tải biển, xây dựng, công nghiệp, nông nghiệp,...

Trải qua hơn 20 năm xây dựng và phát triển, Công ty đã đạt được những kết quả khả quan. Sản phẩm của Công ty được khách đánh giá cao và ngày càng ưa chuộng. Công ty có ba nhà máy với tổng công suất trên 10.000 tấn sản phẩm một năm, được trang bị hệ thống dây chuyền sản xuất với công nghệ hiện đại nhất được nhập khẩu từ Ý, Đức, Nhật Bản, Ấn Độ và Thái Lan. Hiện nay, Công ty là nhà sản xuất và cung cấp dây thừng đánh bắt cá hàng đầu tại Việt Nam.

Quá trình phát triển của Công ty gồm các cột mốc chính sau đây:

- Tháng 7 năm 1995: Nhận Giấy Chứng nhận đầu tư thành lập Công ty.
- Tháng 7 năm 1995: Nhà máy Số 1 đi vào hoạt động.
- Năm 2008: Nhà máy Số 2 đi vào hoạt động; Hoàn thành thủ tục sở hữu 41.506,21 m<sup>2</sup> đất xây dựng Nhà máy Số 3.
- Tháng 9/2009: Chuyển đổi Công ty từ hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn sang hình thức công ty cổ phần. Các cổ đông góp vốn để tăng vốn điều lệ từ 33,6 tỉ đồng lên 80 tỉ đồng.
- Tháng 6/2013: Nhà máy Số 3 đi vào hoạt động. Công ty tăng vốn điều lệ từ 80 tỉ đồng lên 122,7 tỉ đồng.
- Năm 2014: Tăng Vốn điều lệ từ 122,7 tỉ đồng lên 163,4 tỉ đồng.
- Năm 2016: Tăng Vốn điều lệ từ 163,4 tỉ đồng lên 205,4 tỉ đồng thông qua việc phát hành 4.200.000 cổ phiếu ra công chúng theo Giấy Chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng số 31/GCN-UBCK ngày 09/06/2016
- Công ty trở thành công ty đại chúng kể từ ngày 07/09/2016 theo công văn số 8605/UBCK-GSĐC ngày 29/12/2016 của UBCKNN

### **1.2.2 Định hướng phát triển:**

Công ty định hướng và phân đầu để trở thành nhà sản xuất và cung cấp các sản phẩm với chất lượng tốt nhất, phục vụ cho ngành nuôi trồng, đánh bắt thủy sản, vận tải biển, công nghiệp và nông nghiệp hàng đầu tại Đông Nam Á.

### **1.3. Quá trình tăng vốn điều lệ**

Công ty được thành lập năm 1995, đăng ký hoạt động với số vốn đầu tư là 6.097.000 USD, trong đó Vốn pháp định là 2.000.000 USD. Đến Tháng 7 năm 2008, Công ty đã thực hiện đăng ký lại doanh nghiệp và được UBND TP. HCM cấp Giấy chứng nhận đầu tư lần đầu với Vốn điều lệ là 33.600.000.000 đồng (tương đương 2.100.000 USD). Công ty đã thực hiện chuyển đổi Công ty từ hình thức TNHH thành Công ty cổ phần với vốn điều lệ là 80 tỉ đồng (4.480.000 USD) vào Tháng 9 năm 2009. Công ty đã thực hiện tăng vốn điều lệ lên 122.700.000.000 đồng (6.513.333 USD) vào tháng 6/2013 theo Giấy chứng nhận đầu tư thay đổi lần 4 do UBND TP. HCM cấp ngày 3/6/2013. Năm 2014, Công ty đã thực hiện tăng Vốn điều lệ lên 163,4 tỉ đồng. Năm 2016, Công ty đã thực hiện tăng Vốn điều lệ lên 205,4 tỷ đồng.

Công ty đã thực hiện 5 đợt tăng vốn kể từ khi đăng ký chuyển đổi thành công ty cổ phần. Quá trình tăng vốn điều lệ của Công ty như sau:

**Bảng 5: Quá trình tăng vốn của công ty**

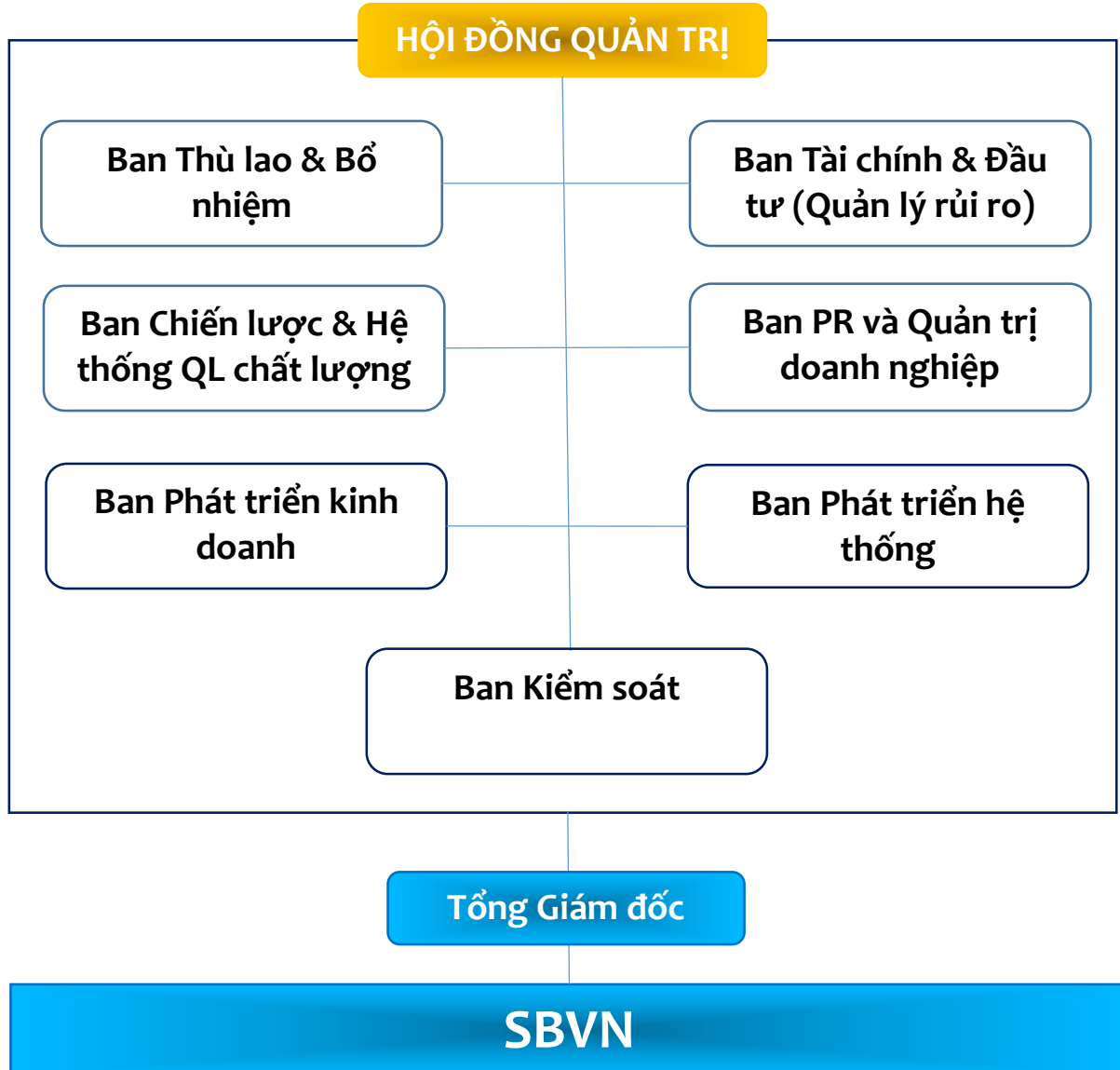
Thời điểm tăng vốn	Vốn điều lệ (Tỷ đồng)			Hình thức tăng	Đơn vị phê duyệt/cấp
	Trước khi tăng	Tăng thêm	Sau khi tăng		
Tháng 7/1995				Thành lập Công ty với vốn pháp định là 2.000.000 USD	Ủy Ban Nhà Nước về Hợp tác và Đầu tư
Tháng 7/2008			33,6	Đăng ký lại doanh nghiệp	UBND TP. HCM (Giấy chứng nhận đầu tư lần đầu)
Tháng 9/2009	33,6	46,4	80,0	Chuyển đổi doanh nghiệp từ Công ty TNHH thành Công ty cổ phần, góp thêm vốn điều lệ bằng hình thức phát hành cho cổ đông hiện hữu và cổ đông mới.	UBND TP. HCM (Giấy Chứng nhận đầu tư số 411033000030 ngày 08/09/2009)
Tháng 6/2013	80,0	42,7	122,7	Phát hành cổ phần cho cổ đông hiện hữu	UBND TP. HCM (Giấy chứng nhận đầu tư thay đổi lần 4 ngày 3/6/2013)
Tháng 6/2015	122,7	40,7	163,4	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2013 theo tỉ lệ 3:1.	UBND TP. HCM (Giấy chứng nhận đầu tư thay đổi lần 5 ngày 30/6/2015)
Tháng 9/2016	163,4	42	205,4	Phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng	Giấy Chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng số 31/GCN-UBCK ngày 09/06/2016 của UBCKNN

## 2. Cơ cấu tổ chức Công ty

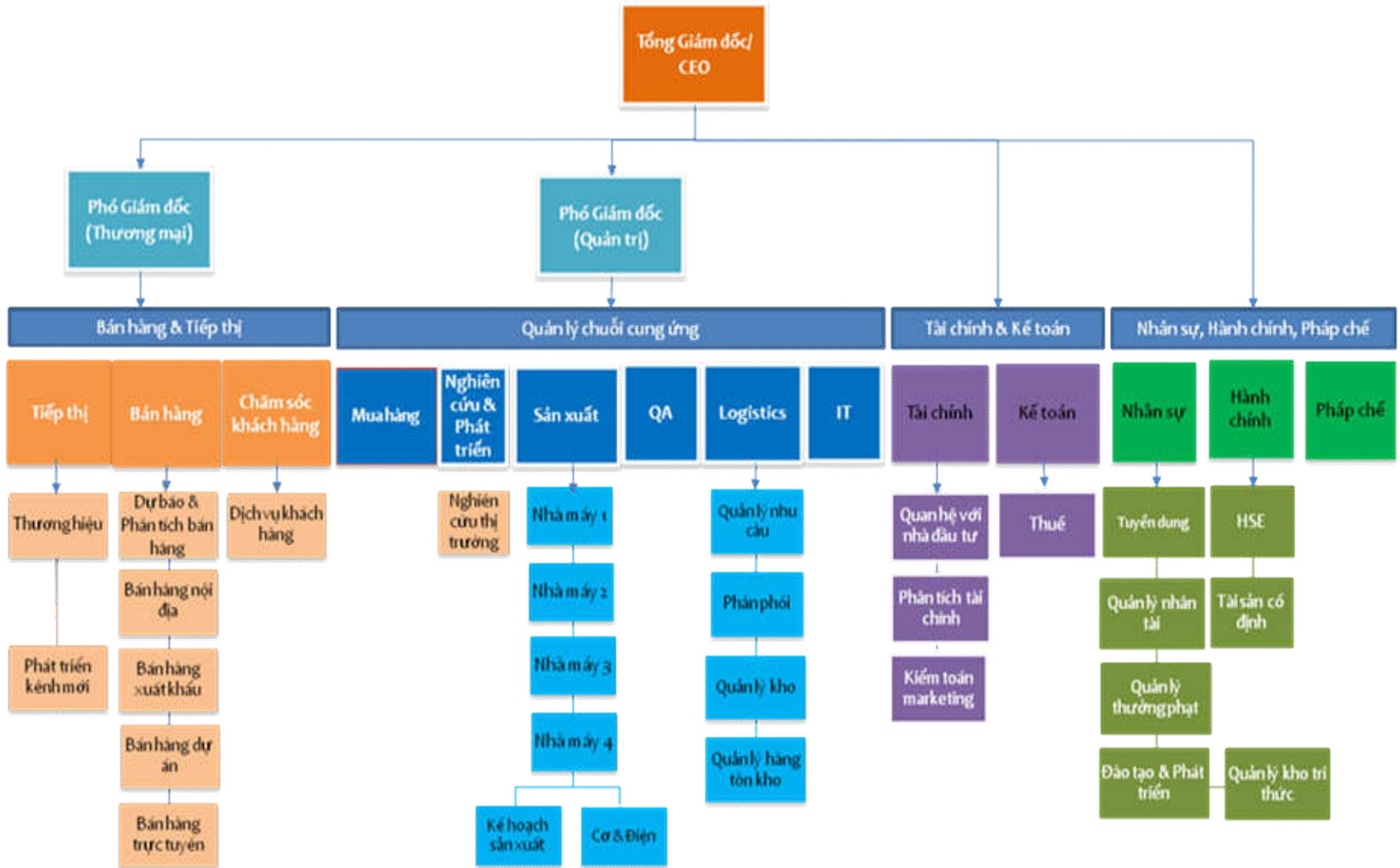
Công ty được tổ chức và điều hành theo mô hình Công ty Cổ phần, tuân thủ theo các quy định của Luật Doanh nghiệp Việt Nam và các văn bản pháp luật có liên quan. Bộ máy tổ chức quản lý của Công ty được tổ chức theo mô hình dưới đây:



HÌNH 2: SƠ ĐỒ CƠ CẤU QUẢN LÝ



HÌNH 3: SƠ ĐỒ CƠ CẤU TỔ CHỨC



## **Diễn giải cơ cấu tổ chức của Công ty**

### **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

ĐHĐCĐ gồm tất cả các cổ đông của Công ty, là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính, trừ trường hợp Hội Đồng Quản trị có quyết định khác và được các cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận. ĐHĐCĐ sẽ quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Hội đồng quản trị do ĐHĐCĐ bầu, là cơ quan quản trị Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. HĐQT có trách nhiệm giám sát Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác. Hội đồng quản trị của Công ty hiện nay có 06 thành viên, gồm một Chủ tịch, một Phó Chủ tịch và bốn thành viên.

Để hỗ trợ cho Hội Đồng Quản Trị, có 4 Ủy Ban như sau:

#### ***Ban Thù lao và bổ nhiệm:***

Ủy ban Thù lao và Bổ nhiệm là Ủy ban trực thuộc HĐQT, có chức năng tư vấn và tham mưu cho HĐQT trong việc hoạch định, thúc đẩy và đánh giá việc thực hiện chiến lược và kế hoạch phát triển nguồn nhân lực Công ty. Các ủy viên của Ủy ban Thù lao và Bổ nhiệm do HĐQT bổ nhiệm có thời hạn phù hợp với nhiệm kỳ của HĐQT.

#### ***Ban Phát Triển Kinh Doanh:***

Ủy Ban Phát Triển Kinh Doanh là Ủy ban trực thuộc HĐQT, thường bao gồm một số thành viên của Hội Đồng Quản Trị và chịu trách nhiệm hỗ trợ Hội Đồng Quản Trị lập kế hoạch chiến lược kinh doanh, đánh giá mục tiêu, chiến lược và kế hoạch hành động. Các ủy viên của Ủy ban Phát Triển Kinh Doanh do HĐQT bổ nhiệm có thời hạn phù hợp với nhiệm kỳ của HĐQT.

#### ***Ban Chiến lược và hệ thống Quản Trị Chất Lượng:***

Ủy ban Quản Trị Chất Lượng là Ủy ban trực thuộc HĐQT, có chức năng tư vấn cấu trúc tổ chức, thủ tục, quy trình và các nguồn lực cần thiết cho việc quản lý kiểm soát chất lượng của Công ty. Các ủy viên của Ủy ban Quản Trị Chất Lượng do HĐQT bổ nhiệm có thời hạn phù hợp với nhiệm kỳ của HĐQT.

#### ***Ban PR và kiểm soát nội bộ quản trị doanh nghiệp:***

Ủy ban kiểm soát nội bộ là Ủy ban trực thuộc HĐQT, có chức năng tư vấn và giúp việc cho HĐQT trong việc đảm bảo có được một hệ thống hiệu quả về kiểm soát nội bộ và tuân thủ pháp luật; chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát tính trung thực của các báo cáo tài chính liên quan đến

tình hình hoạt động kinh doanh của Tập đoàn trước khi trình HĐQT,...

Ủy ban Quan hệ công chúng là Ủy ban trực thuộc HĐQT, chịu trách nhiệm chủ động quản lý các quan hệ giao tiếp cộng đồng, bao gồm các việc quảng bá thành công, công bố các thay đổi, và nhiều hoạt động khác... để tạo dựng và gìn giữ hình ảnh tích cực của Công ty. Các ủy viên của Ủy ban Quan hệ công chúng và Kiểm soát nội bộ do HĐQT bổ nhiệm có thời hạn phù hợp với nhiệm kỳ của HĐQT.

***Ban tài chính và đầu tư (quản lý rủi ro):***

Ủy ban tài chính và đầu tư (quản lý rủi ro) là cơ quan tham mưu cho Hội đồng Quản trị về các vấn đề liên quan đến quản lý rủi ro, đảm bảo Công ty có một khuôn khổ, các chính sách và quy trình quản lý rủi ro hiệu quả.

***Ban phát triển hệ thống***

Ủy ban phát triển hệ thống là cơ quan tham mưu cho Hội đồng Quản trị về các vấn đề liên quan đến quản lý và phát triển các hệ thống hoạt động của Công ty.

**BAN KIỂM SOÁT**

Ban kiểm soát là cơ quan trực thuộc Đại hội đồng cổ đông, do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm soát mọi mặt hoạt động quản trị và điều hành sản xuất của Công ty. Hiện Ban kiểm soát Công ty gồm ba (03) thành viên, mỗi thành viên có nhiệm kỳ năm (05) năm. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc. Ban kiểm soát của Công ty hiện có ba thành viên, gồm một Trưởng ban và hai thành viên.

**BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, có nhiệm vụ tổ chức điều hành và quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những chiến lược, kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Ban Giám đốc của Công ty hiện tại có ba thành viên, gồm một Tổng Giám Đốc, một Giám đốc kinh doanh, một Giám đốc sản xuất.

**CÁC PHÒNG NGHIỆP VỤ:**

Các phòng, ban trực tiếp điều hành công việc của Công ty theo chức năng chuyên môn và nhận sự chỉ đạo của Tổng Giám đốc. Hiện tại, Công ty có các phòng, ban được thiết lập với các chức năng như sau:

**Phòng kinh doanh:**

- Tham mưu cho Ban Giám Đốc trong công tác hoạch định kế hoạch kinh doanh bao gồm: nội địa và xuất khẩu đáp ứng nhu cầu cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Xây dựng chiến lược kinh doanh và triển khai kế hoạch kinh doanh nhằm đảm bảo đạt các

chỉ tiêu, mục tiêu kế hoạch của Công ty hàng tháng, hàng quý và hàng năm.

- Cập nhật thông tin giá cả thị trường, tham mưu đề xuất chính sách bán hàng, giá, khuyến mãi, chiết khấu, chương trình quảng bá, cách thức tiếp cận khách hàng cho Ban Giám Đốc/Ban Tổng Giám Đốc ra quyết định nhanh chóng và phù hợp.
- Định kỳ theo dõi việc triển khai kế hoạch kinh doanh hàng tháng, quý, năm nhằm đảm bảo các chỉ tiêu đề ra.
- Phân tích đánh giá kết quả việc thực hiện kế hoạch kinh doanh theo tháng, quý, năm và trên cơ sở đó tìm ra nguyên nhân khắc phục nhược điểm, phát huy ưu điểm.
- Thu thập và quản lý thông tin hồ sơ khách hàng phục vụ cho việc đánh giá xếp hạng thẩm định khách hàng.
- Xây dựng phát triển mạng lưới kênh phân phối đại lý cửa hàng và đội ngũ nhân viên bán hàng và giám sát kinh doanh khu vực.
- Mở rộng và tìm kiếm các thị trường xuất khẩu tiềm năng, chăm sóc các kênh phân phối, các đại lý và các cửa hàng tạo quan hệ thân thiện với khách hàng.

#### **Phòng Tài chính kế toán:**

- Chịu trách nhiệm về hạch toán kế toán, tổ chức hệ thống chứng từ theo đúng quy định của Nhà nước.
- Thực hiện nhiệm vụ thu – chi, kiểm tra các hồ sơ chứng từ liên quan đến việc thanh toán trong toàn Công ty nhằm đảm bảo đầy đủ, hợp lý, chính xác và kịp tiến độ.
- Tập hợp và phân tích chi phí sản xuất để tính giá thành từng loại sản phẩm cho Công ty và các chi nhánh.
- Theo dõi đối chiếu công nợ và phối hợp các phòng ban có liên quan để giải quyết công nợ kịp thời.
- Chủ động phối hợp với các phòng ban liên quan để thực hiện hoạt động kế toán một cách chính xác và đầy đủ kịp thời nhằm giải quyết các vấn đề phát sinh trong hoạt động kế toán.

#### **Phòng Tổ chức Hành chính – Nhân sự:**

- Hoạch định nguồn nhân lực: tham mưu, đề xuất xây dựng mô hình tổ chức cơ chế hoạt động để định biên và bố trí nhân sự tối ưu nhằm thu hút duy trì phát triển nguồn nhân lực đảm bảo mục tiêu phát triển của Công ty.
- Hoạch định triển khai chính sách quản trị nhân sự, phân tích tổng hợp các nguồn thông tin từ thị trường lao động và tình hình thực tế của Công ty nhằm đề xuất xây dựng triển khai các chính sách quản trị nhân sự phù hợp.
- Xây dựng hệ thống đánh giá hiệu quả công việc, năng lực cá nhân và tập thể để phát hiện nuôi dưỡng và phát triển các giá trị của mỗi cá nhân và tập thể Công ty.

- Đảm bảo cơ sở hạ tầng, không gian làm việc và các trang thiết bị công cụ dụng cụ, phục vụ cho nhân viên và các hoạt động có liên quan.
- Theo dõi chăm công tính lương, thưởng định kỳ và đột xuất, đảm bảo tính chính xác, công bằng và khách quan.
- Tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp thân thiện và năng động cho cán bộ công nhân viên của Công ty.

### **Phòng mua hàng**

- Tham mưu cho Ban Giám Đốc trong công tác hoạch định kế hoạch mua hàng bao gồm: nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, máy móc thiết bị, dịch vụ đáp ứng nhu cầu cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Đảm bảo việc mua hàng đúng tiến độ, cung ứng đủ số lượng, chất lượng, giá cả hợp lý nhằm đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tối ưu nhất.
- Cung cấp thông tin kinh tế, giá cả thị trường liên quan đến hoạt động mua hàng làm cơ sở cho Ban Giám Đốc ra quyết định nhanh chóng và phù hợp.
- Đảm bảo nhà cung cấp nguyên vật liệu công cụ dụng cụ, máy móc thiết bị, dịch vụ không bị gián đoạn.

### **Phòng hậu cần**

- Tham mưu cho Ban Giám Đốc trong công tác hoạch định kế hoạch logistic bao gồm: làm thủ tục xuất - nhập khẩu, điều phối vận chuyển hàng hóa đáp ứng nhu cầu cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Đảm bảo việc giao nhận hàng hóa đầy đủ kịp thời, giá cả hợp lý và không bị suy giảm chất lượng trong quá trình vận chuyển.
- Cung cấp thông tin kinh tế, thuế suất thuế xuất - nhập khẩu, giá cả thị trường liên quan đến hoạt động logistic, làm cơ sở cho Ban Giám Đốc ra quyết định nhanh chóng và phù hợp.
- Đảm bảo việc cung cấp dịch vụ logistic không bị gián đoạn.

### **Khối Nhà máy sản xuất**

- Tham mưu cho Ban Giám Đốc trong lĩnh vực hoạt động sản xuất của Công ty.
- Khối sản xuất là bộ phận trực thuộc Công ty và giúp Ban Giám Đốc trong lĩnh vực hoạt động sản xuất của Công ty.
- Khối sản xuất hoạt động chủ động theo chủ trương, chính sách và chiến lược của Công ty, chịu sự lãnh đạo trực tiếp của Tổng Giám Đốc.
- Lập, triển khai và theo dõi kế hoạch sản xuất nhằm đáp ứng đúng tiến độ giao hàng
- Phối hợp với các phòng ban liên quan để đảm bảo máy móc thiết bị luôn sẵn sàng đáp ứng nhu cầu sản xuất của Công ty

- Đào tạo huấn luyện và phát triển nhân viên trong khối sản xuất
- Lập kế hoạch và đề xuất vật tư trang thiết bị đảm bảo phục vụ cho nhu cầu sản xuất
- Đảm bảo nguyên vật liệu, trang thiết bị máy móc được sử dụng hợp lý
- Thống kê phân tích và báo cáo tình hình sản xuất, đề xuất cải tiến quy trình sản xuất.
- Đảm bảo máy móc thiết bị và con người luôn sẵn sàng đáp ứng nhu cầu sản xuất.
- Triển khai các hoạt động TPM (5S, KAIZEN, LEAN, An toàn lao động,...)
- Phối hợp các phòng ban liên quan để nghiên cứu, khắc phục và đưa ra các biện pháp phòng ngừa đối với các sự cố liên quan đến chất lượng, máy móc, dây chuyền sản xuất, nhà xưởng và an toàn lao động.

Công ty có trụ sở chính tại Thành phố Hồ Chí Minh, hai chi nhánh và ba nhà máy. Cơ cấu tổ chức của Công ty được thể hiện như sau:

- **Chi nhánh 1:**

- Địa chỉ: Lô A201 – A202, đường C Khu công nghiệp Thái Hòa, Ấp Đức Hòa 3, xã Đức Lập Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An
- Điện thoại:(072) 3759 012                      Fax:(072) 3759 015

- **Chi nhánh 2:**

- Địa chỉ:Lô B131, đường số 7, Khu công nghiệp Thái Hòa, Ấp Tân Hòa, Xã Đức Lập Hạ, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An
- Điện thoại:(072) 3759 909                      Fax: (072) 3759 909

- **Nhà máy Số 1:**

- Địa chỉ: 87/1 Quốc lộ 1A, P. Tân Thới Hiệp, Q.12, TP. Hồ Chí Minh.
- Nhà máy Số 1 hoạt động từ năm 1996, chuyên cung cấp các sản phẩm như sợi đơn, dây keo, chỉ lưới, dây bô, dây bính với công suất bình quân đạt 5.000 tấn/năm.

- **Nhà máy Số 2:**

- Địa chỉ: Lô A 201-202C, Khu Công Nghiệp Thái Hòa, Xã Đức Lập Hạ, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An.
- Nhà máy Số 2 hoạt động từ năm 2009, chuyên cung cấp các sản phẩm như dây bính 8 tao, dây bính 4 tao với công suất bình quân đạt 2.000 tấn/năm.

- **Nhà máy Số 3:**

- Địa chỉ: Lô E-Đường số 7, Khu Công Nghiệp Thái Hòa, Xã Đức Lập Hạ, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An.
- Nhà máy Số 3 hoạt động từ cuối tháng 5/2013, chuyên cung cấp các sản phẩm như dây bính 8 tao, dây bính 4 tao với công suất dự kiến giai đoạn 1 đạt khoảng 3.000 tấn/năm

**3. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty; danh sách cổ đông sáng lập của Công ty; cơ cấu cổ đông**

**3.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty:**

Tại thời điểm 30/12/2016, Công ty có 02 cổ đông lớn, sở hữu 75,11% vốn cổ phần của Công ty. Thông tin về cổ đông lớn như sau:

**Bảng 6: Danh sách cổ đông lớn**

STT	Tên cổ đông	CMND/Hộ chiếu/CNĐKKD	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Công ty Cổ phần Đầu tư Thông Minh	502032000078	Lô A117, KCN Thái Hoà, Xã Đức Lập Hạ, Huyện Đức Hoà, Tỉnh Long An	13.427.182	65,37%
2	Vietnam Holding Ltd	CS1077	Tầng 8, Nam A Bank Tower, 201-203 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 4, Quận 3, Tp.HCM,	2.000.000	9,74%
<b>Tổng cộng</b>				<b>15.427.182</b>	<b>75,11%</b>

*Nguồn: Danh sách cổ đông SBVN ngày 30/12/2016*

**3.2. Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ**

Công ty được thành lập ngày 18/07/1995. Đến tháng 9/2009, Công ty chuyển đổi sang hình thức cổ phần. Các cổ đông sáng lập của Công ty gồm có:

**Bảng 7: Danh sách cổ đông sáng lập**

ST T	Tên cổ đông	CMND/Hộ chiếu/CNĐK KD	Địa chỉ	Số cổ phần sở hữu ban đầu	Số cổ phần sở hữu hiện tại	Tỷ lệ sở hữu hiện tại (%)
1	Công ty Cổ phần Đầu tư Thông Minh	502032000078	Lô A117, KCN Thái Hoà, Xã Đức Lập Hạ, Huyện Đức Hoà, Tỉnh Long An	6.713.558	13.427.182	65,37%
2	Ông VEERAPONG SAWATYANO N	AA3540970	87/1, Quốc lộ 1 A, phường Tân Thới Hiệp, Quận 12, TP.HCM	533.400	800.000	3,89%



3	Ông ITTHAPAT SAWATYANO N	AA2277028	87/1, Quốc lộ 1 A, phường Tân Thới Hiệp, Quận 12, TP.HCM	533.400	800.000	3,89%
4	Ông PRATIP SAWATYANO N	X705063	87/1, Quốc lộ 1 A, phường Tân Thới Hiệp, Quận 12, TP.HCM	219.642	439.284	2,14%
<b>Tổng cộng</b>				<b>8.000.000</b>	<b>15.466.466</b>	<b>75,30%</b>

*Nguồn: Danh sách cổ đông SBVN ngày 30/12/2016*

Đến thời điểm hiện tại, các cổ đông sáng lập của Công ty không còn bị hạn chế chuyển nhượng cổ phiếu theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2014.

### 3.3. Cơ cấu cổ đông:

Tại thời điểm 30/12/2016, Công ty có 325 cổ đông, với cơ cấu sở hữu cổ phần như sau:

**Bảng 8: Cơ cấu cổ đông**

Nội dung	Số lượng cổ đông cổ đông	Số lượng cổ phần cổ phần	Tỷ lệ sở hữu (%)
<b>Cổ đông trong nước</b>	<b>312</b>	<b>15.999.996</b>	<b>77,90%</b>
Tổ chức	6	13.981.108	68,07%
Cá nhân	306	2.018.888	9,83%
<b>Cổ đông nước ngoài</b>	<b>13</b>	<b>4.480.004</b>	<b>21,81%</b>
Tổ chức	1	2.000.000	9,74%
Cá nhân	12	2.480.004	12,07%
<b>Cổ phiếu quỹ</b>		<b>60.000</b>	<b>0,29%</b>
<b>Tổng số</b>	<b>325</b>	<b>20.540.000</b>	<b>100,00%</b>

*Nguồn: Danh sách cổ đông SBVN ngày 30/12/2016*

## 4. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết

### 4.1. Những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc chi phối đối với SBVN:

Công ty Cổ phần Đầu Tư Thông Minh hiện đang nắm giữ 13.427.182 cổ phần của Công ty, chiếm 65,37% vốn điều lệ, là Công ty mẹ của SBVN. Chủ tịch Veerapong Sawatyanon của Siam Brothers Vietnam hiện nay cũng đồng thời là Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Thông Minh, và đã được Hội đồng Quản trị thông qua.

#### 4.2. Các công ty do SBVN nắm giữ cổ phần chi phối:

Công ty không nắm giữ cổ phần chi phối tại bất kỳ công ty nào.

### 5. Hoạt động kinh doanh

#### 5.1. Sản lượng / giá trị sản lượng qua các năm

Công ty có hai mảng kinh doanh chính, bao gồm:

- Mảng Sản xuất: Công ty sản xuất các loại dây PP, dây PE, dây thừng bền dùng trong nông, ngư nghiệp; sản xuất các phụ kiện, trang cụ, trang thiết bị nhựa dùng trong nông ngư nghiệp.
- Mảng thương mại: Công ty kinh doanh các sản phẩm khác liên quan đến nông, ngư nghiệp: các loại đèn tập hợp cá, phao nổi, khay nhựa đựng cá, bao tay cao su, sơn, lưới đánh bắt cá và nuôi trồng thủy sản,...

#### 5.2. Sản phẩm chính do Công ty sản xuất:

Sản phẩm chính do Công ty sản xuất là dây thừng các loại. Mỗi năm Công ty sản xuất khoảng 6.500 – 8.000 tấn các loại sản phẩm như dây thừng, chỉ cào PE, lưới PP, sợi đơn PE, lưới bùng nhùng, lưới giữ cá, lưới nuôi trồng thủy sản,... Các nhãn hiệu của Công ty gồm có: Nhãn hiệu Con Gà và nhãn hiệu Hải Mã. Dưới đây là một số hình ảnh các sản phẩm chính của Công ty.

- Dây thừng PE (Polyethylene):



- Dây thừng PP (Polypropylene)



- Đèn Metal Halide Light



### **Công dụng của các sản phẩm:**

Các sản phẩm của Công ty được người tiêu dùng sử dụng trong các lĩnh vực sau đây:

- Sản phẩm dây thừng: làm lưới, giềng lưới, neo buộc tàu, cầu hàng hóa, nuôi trồng thủy sản, an toàn, nông nghiệp;
- Sản phẩm đèn tập hợp cá: thu hút các loài cá, mực và các loại hải sản khác;
- Ứng dụng của sản phẩm trong ngành thủy hải sản: tạo bè nuôi cá tầm, tôm hùm, hào, cá mú, tảo biển, cá đầu rắn,...;
- Ứng dụng trong nông nghiệp:
  - ✓ Sản phẩm dây thừng: Trồng rau sạch trong nhà kính, trồng hoa, khô qua, dưa chuột, quả bí, các loại nấm ăn,...
  - ✓ Sản phẩm đèn: đèn chiếu sáng vào các sản phẩm cây trồng để kích thích sự tăng trưởng.
- Ứng dụng khác trong ngành hàng hải: dùng dây thừng để neo tàu, thuyền, cầu hàng hóa;
- Ứng dụng khác trong an toàn lao động: cáp và dây bảo hộ an toàn lao động.

### **6.1. Doanh thu sản phẩm/dịch vụ qua các năm**

Hiện tại, doanh thu của Công ty đến từ hai mảng chính là dây thừng và các sản phẩm khác. Dây thừng chiếm khoảng 94% tổng doanh thu của Công ty. Dây thừng có ba nhóm chính là 3 tao, 4 tao và 8 tao. Cơ cấu doanh thu, lợi nhuận gộp theo nhóm sản phẩm của Công ty từ năm 2015 – 2016 như sau:

#### **Cơ cấu doanh thu theo nhóm sản phẩm:**

**Bảng 9: Cơ cấu doanh thu theo nhóm sản phẩm**

*Đơn vị: Triệu đồng*

Nhóm sản phẩm	Doanh thu thuần			
	Năm 2015		2016	
	Giá trị	Tỉ trọng (%)	Giá trị	Tỉ trọng (%)
Dây 3 tao	45.271	9,8%	28.738	5.65%
Dây 4 tao	241.136	52,2%	280.833	55.23%
Dây 8 tao	149.209	32,3%	166.673	32.78%
Sản phẩm khác	26.332	5,7%	32.194	6.33%
<b>Tổng số</b>	<b>461.948</b>	<b>100%</b>	<b>508.439</b>	<b>100%</b>

*Nguồn: Báo cáo Tài chính năm 2015, 2016 đã kiểm toán của SBVN*

**Bảng 10: Cơ cấu lợi nhuận gộp theo nhóm sản phẩm:**

Đơn vị: Triệu đồng

Tên nhóm sản phẩm	Lợi nhuận gộp			
	Năm 2015		2016	
	Giá trị	Tỉ trọng (%)	Giá trị	Tỉ trọng (%)
Dây 3 tao	15.807	10,1%	13.395	6,2%
Dây 4 tao	57.763	54,8%	119.906	55,5%
Dây 8 tao	52.898	33,8%	77.777	36%
Sản phẩm khác	2.035	1,3%	4.969	2,3%
<b>Tổng cộng</b>	<b>156.502</b>	<b>100%</b>	<b>216.047</b>	<b>100%</b>

Nguồn: Báo cáo Tài chính kiểm toán năm 2015 và 2016 của SBVN

Doanh thu từ mảng dây thừng chiếm ưu thế trong tổng doanh thu của Công ty, chiếm khoảng 98,7% trong năm 2015, và 93,7% trong năm 2016. Trong khi đó, doanh thu từ mảng mua bán các loại ngư cụ khác chỉ chiếm một tỷ trọng rất thấp, khoảng 5,7% trong năm 2015 và 6,3% trong năm 2016. Lý do là vì mảng ngư cụ khác không mang lại nhiều lợi nhuận như mảng dây thừng, cụ thể doanh thu từ mảng này trong 2 năm qua chiếm khoảng 6% nhưng lợi nhuận gộp thu được chỉ lần lượt là 1,3% năm 2015 và 2,3% năm 2016.

Trong nhóm sản phẩm dây thừng, loại dây 4 tao và dây 8 tao chiếm tỉ trọng lớn nhất trong tổng doanh thu và lợi nhuận gộp hiện nay, và đang có xu hướng tăng lên từ mức khoảng 85% tổng doanh thu thuần trong năm 2015 lên gần 88% trong năm 2016. Ngược lại, nhóm dây 3 tao đang dần mất đi thị phần, từ 10% tổng doanh thu các năm trước nay chỉ còn chiếm 5,65%. Điều này có được là do nông dân đang dần chuyển sang sử dụng các loại dây thừng có độ bền tốt hơn như dây 4 tao hay 8 tao, thích hợp với xu hướng đánh bắt xa bờ hiện nay.

## 6.2. Nguyên vật liệu

### 6.2.1. Nguồn nguyên liệu chính và các nhà cung cấp:

Nguyên liệu chính để sản xuất sản phẩm dây thừng là hạt nhựa, chủ yếu là hạt nhựa PE và PP. Hạt nhựa PP được Công ty mua chủ yếu từ trong nước và hạt nhựa PE được nhập khẩu từ nước ngoài. Dưới đây là danh sách các nhà cung cấp nguyên liệu chính của Công ty bao gồm:

**Bảng 11: Danh sách nhà cung cấp nguyên vật liệu**

STT	Nhà cung cấp	Quốc gia	Sản phẩm
1	SCG Plastics Co.,Ltd	Thái Lan	Hạt nhựa PE
2	Clariant Pte.Ltd	Singapore	Hạt nhựa PP
3	Chi nhánh Tổng Công Ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu Khí	Việt Nam	Hạt màu, hạt
4	Công Ty CP Nhựa OPEC	Việt Nam	Hạt nhựa PP
5	DKSH South East Asia Pte Ltd	Singapore	Hạt màu

Công ty đã có quan hệ kinh doanh với các nhà cung cấp này trong nhiều năm và các bên đã tạo được uy tín tốt trong giao dịch thương mại. Theo nhận định của Công ty, nguồn cung cấp nguyên liệu đầu vào là ổn định.

### 6.2.2. Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu tới doanh thu, lợi nhuận:

Giá cả nguyên vật liệu chiếm khoảng 70% chi phí giá vốn hàng bán. Do đó, sự biến động giá nguyên vật liệu sẽ ảnh hưởng lớn đến doanh thu và lợi nhuận của Công ty.

Ngoài yếu tố cung - cầu về hạt nhựa, giá cả nguyên liệu hạt nhựa phụ thuộc rất lớn vào giá dầu thô trên thị trường quốc tế. Nói chung, khi giá dầu thô tăng giá hạt nhựa sẽ tăng và ngược lại. Theo số liệu của Ngân hàng Thế giới, giá dầu thô trung bình 2016 đứng ở mức 44 USD /thùng (giảm 16,03% so với năm ngoái – 52,4 USD/thùng) Tại thời điểm cuối tháng 1/2017, giá dầu thô WTI đứng ở mức 52,5 USD/thùng và giá dầu thô Brent đứng ở mức 54,9 USD/thùng. Theo dự báo của Worldbank, giá dầu thô bình quân của năm 2017 sẽ đứng ở mức 55 USD/thùng, tăng 28% so với giá bình quân của năm 2016. Giá dầu thô trung bình giao dịch trong tháng 1/2017 đạt khoảng 53,6 USD/thùng, báo hiệu giá dầu thô đang có xu hướng tăng trở lại do các nước thành viên OPEC đang chuẩn bị cắt giảm sản xuất sau một thời gian dài sản xuất ào ạt.

Công ty luôn chủ động trong việc tìm kiếm các nguồn hàng chất lượng và giá cả cạnh tranh, đồng thời nỗ lực thực hiện tốt việc dự báo giá trong tương lai để chủ động và linh hoạt trong việc thu mua nguyên vật liệu có chất lượng và giá cả ổn định, hạn chế tối đa sự ảnh hưởng của giá cả nguồn cung cấp đối với hoạt động kinh doanh của Công ty.

### 6.3. Chi phí sản xuất

Số liệu về chi phí và tỉ trọng chi phí trên doanh thu thuần trong năm 2015 và 2016 như sau:

**Bảng 12: Danh sách chi phí 2015 và 2016**

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	Chi phí	Năm 2015		Năm 2016	
		Giá trị	%/DTT	Giá trị	%/DTT
1	Giá vốn hàng bán	305.445	66,12%	292.392	57,51%
2	Chi phí bán hàng	23.959	5,19%	30.055	5,91%
3	Chi phí Quản lý doanh nghiệp	37.888	8,20%	47.404	9,32%
4	Chi phí tài chính	13.699	2,97%	12.320	2,42%
5	Chi phí khác	2.099	0,45%	1.085	0,21%
<b>Tổng cộng:</b>		<b>383.090</b>	<b>82,93%</b>	<b>383.256</b>	<b>75,37%</b>

*Nguồn: Báo cáo Tài chính năm 2015 và 2016 đã kiểm toán của SBVN*

Trong năm 2016 tỉ trọng giá vốn hàng bán trên tổng doanh thu thuần đã giảm rõ rệt, từ 66,12% năm 2015 chỉ còn 57,51% trong năm ngoái. Điều này có được là do trong thời gian qua công ty đã có những bước cắt giảm chi phí đi song song với nỗ lực nâng cao năng suất máy móc trang thiết bị. Ngoài ra, tỉ lệ phần trăm các chi phí khác trên doanh thu thuần như chi phí bán hàng, chi

phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính không có nhiều thay đổi. Điều này khiến cho tổng chi phí trên doanh thu thuần tuy có tăng nhẹ nhưng tỉ trọng đã giảm rõ rệt từ 82,93% xuống còn 75,37% trong năm ngoái. Thành công này là kết quả của kế hoạch phát triển, mở rộng mạng lưới bán hàng trong năm 2015 đã bắt đầu mang lại kết quả, do đó công ty thu về nhiều lợi nhuận hơn so với các năm trước.

#### **6.4. Trình độ công nghệ**

Công ty không ngừng đầu tư vào hệ thống máy móc thiết bị để nâng cao năng lực sản xuất và gia tăng khả năng cạnh tranh với các doanh nghiệp cùng ngành. Công ty nhập khẩu các máy bện dây của Ý và Ấn Độ, còn đối với những sản phẩm đơn giản hơn thì Công ty dùng thiết bị do Việt Nam sản xuất. Cụ thể, các loại máy xoắn dây và xoắn sợi được nhập khẩu từ Trung Quốc, máy làm dây thừng có xuất xứ từ Ấn Độ, còn máy trục ép và trục lăn được gia công ở Đài Loan... Trong đó hiện đại nhất là máy thừng SIMA được nhập khẩu từ Ý với giá trị hơn 200 ngàn USD. Tổng giá trị máy móc thiết bị lên đến gần 1,5 triệu USD; với hạn sử dụng trung bình hơn 60 tháng, đặc biệt có máy móc có hạn sử dụng hơn 8 năm. Các loại máy móc thiết bị còn tương đối mới, đa phần chỉ mới được trang bị 2-3 năm gần đây. Với công nghệ sản xuất hiện đại và thiết bị nhập khẩu từ Ý, Đài Loan, Trung Quốc, Ấn Độ và Thái Lan, Công ty có thể sản xuất các sản phẩm với chất lượng tốt nhất theo yêu cầu của khách hàng.

#### **6.5. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới:**

Bộ phận Nghiên cứu và phát triển sản phẩm (R&D) của SBVN bao gồm một đội ngũ cán bộ dày dặn kinh nghiệm trong lĩnh vực nông ngư cụ với việc liên tục nghiên cứu sản phẩm nhằm cạnh tranh với các sản phẩm trên thị trường cũng như nắm bắt những nhu cầu mới. Công ty hiện tại tuyển dụng chuyên gia nước ngoài đứng đầu bộ phận R&D để có khả năng nắm bắt được thị hiếu và đáp ứng được những yêu cầu của khách hàng tại những thị trường xuất khẩu phương Tây. Công ty luôn nỗ lực liên tục nghiên cứu để nâng cao chất lượng sản phẩm và phát triển sản phẩm mới.

Khi các sản phẩm mới được chuẩn bị bán ra thị trường, Công ty đều tiến hành nghiên cứu nhu cầu, hành vi và thị hiếu người tiêu dùng thông qua các đối tác hiện có của mình nhằm nắm bắt được sự phù hợp của sản phẩm đối với thị trường.

Hàng năm Công ty đều tổ chức các chuyến đi tiếp xúc trực tiếp để tìm hiểu về khách hàng nhằm có được giải pháp điều chỉnh phù hợp; đồng thời tìm hiểu nhu cầu mới phát sinh để có kế hoạch cho hoạt động kinh doanh, đáp ứng nhu cầu người tiêu dùng về chất lượng lẫn mẫu mã sản phẩm.

#### **6.6. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm**

Bên cạnh thiết bị sản xuất hiện đại, Công ty còn có đội ngũ cán bộ, công nhân viên lành nghề và kinh nghiệm. Ngoài ra, Công ty đã xây dựng thành công hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ngày càng được nâng cao và nỗ lực không ngừng trong việc cải tiến chất lượng sản phẩm để đáp ứng nhu cầu của khách hàng. Đến nay, Công ty đã được các chứng nhận về quản lý chất lượng như sau:



- Năm 2001, Công ty đạt chứng nhận ISO 9002-1994 cho hệ thống quản lý chất lượng.
- Năm 2002, Công ty đã nâng cấp thành công hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001-2000 do Tổ chức TV Rheiland (Đức) và Quacert (Việt Nam) đồng chứng nhận.
- Năm 2005, Công ty đạt chứng nhận ISO 9001-2000 do DNV (Đức) cấp chứng nhận.
- Năm 2015, Công ty đạt chứng nhận ISO 9001 – 2008 do Công ty Bureau Veritas Việt Nam cấp chứng nhận
- Hiện nay Công ty đang thực hiện quy trình quản lý chất lượng toàn diện TQM (Total Quality Management), quy trình cải tiến sản xuất toàn diện TPM (Total Productive Maintenance).
- Tiêu chuẩn quốc tế ISO 2307
- Tiêu chuẩn Việt Nam 6259-2003
- Tiêu chuẩn Cơ sở đăng ký với Tổng cục đo lường chất lượng số TC-01-2013 Siam Brothers Việt Nam ngày 05/09/2013



Chứng nhận công nhận năng lực cơ sở chế tạo và Quy trình chế tạo do Cục đăng kiểm Việt Nam cấp ngày 12/02/2015.



DNV Certificate



Quatest 3 Certificate



SGS Certificate



**Giấy chứng nhận chất lượng sản phẩm ISO 9001:2008 mà công ty đã đạt được Các hoạt động đảm bảo chất lượng sản phẩm của Công ty:**

- Lựa chọn nhà cung cấp có đủ điều kiện.
- Kiểm soát chất lượng nguyên vật liệu đầu vào.
- Kiểm soát chất lượng trên quy trình sản xuất.
- Kiểm soát chất lượng thành phẩm.
- Thực hiện việc kiểm định các thiết bị đo lường định kỳ để đảm bảo các hoạt động kiểm soát chất lượng luôn chính xác.
- Thực hiện các hoạt động thực nghiệm và cải tiến để đảm bảo chất lượng tốt nhất đến cho khách hàng.

**6.7. Hoạt động Marketing**

Để duy trì và thúc đẩy quá trình tiêu thụ sản phẩm, Công ty luôn chú trọng đến các hoạt động marketing. Dưới đây là một số hoạt động marketing chính của Công ty.

**Hoạt động quảng bá thương hiệu:**

Công ty liên tục thực hiện xây dựng và quảng bá thương hiệu thông qua các hoạt động:

- Tham gia tài trợ cho các lớp huấn luyện thuyền trưởng và tài trợ các lễ hội tại các làng nghề truyền thống của ngư dân, các lễ hội cầu ngư, lễ hội Nghinh Ông,...
- Tài trợ cho “Hội nghị tổng kết phong trào nông dân sản xuất thi đua giỏi” của tỉnh Bình Thuận.
- Xây dựng các chương trình khuyến mãi cho khách hàng, tổ chức các hội nghị khách hàng để tiếp xúc và trao đổi thông tin với khách hàng, trao giải cho các khách hàng đã trúng thưởng ở các khu vực Đà Nẵng, Kiên Giang, Nghệ An, Quy Nhơn, Tiền Giang, Nha Trang, Phan Thiết, Vũng Tàu,...
- Tổ chức chương trình khuyến mãi chào mừng 100% các sản phẩm dây thừng, máy



bộ đàm và máy phát điện.

### **Phát triển hệ thống phân phối**

Sản phẩm của Công ty được tiêu thụ thông qua nhiều kênh phân phối khác nhau. Công ty phân phối sản phẩm thông qua hệ thống đại lý các cấp khoảng 95% tổng doanh thu hàng năm và bán trực tiếp cho khách hàng (là các khách hàng tổ chức lớn) khoảng 5% doanh thu hàng năm. Hệ thống phân phối của Công ty trải rộng khắp các tỉnh, thành của Việt Nam, bao gồm 3 khu vực chính:

- Miền Bắc: Hải Phòng, Nam Định, Thanh Hóa, Nghệ An,...
- Miền Trung: Đà Nẵng, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa,...
- Miền Nam: Thành phố Hồ Chí Minh, Tiền Giang, Kiên Giang, Bà Rịa – Vũng Tàu, Ninh Thuận, Bình Thuận,...

Công ty có chính sách bán hàng rất linh hoạt, chính sách giá bán khuyến nghị theo sản lượng bán của mỗi nhà phân phối. Tỷ lệ phần trăm chiết khấu cụ thể sẽ được Công ty quyết định tùy theo tình hình cụ thể của mỗi thị trường.

### **Chính sách giá cả**

Công ty thực hiện tốt việc dự báo nguồn nguyên vật liệu trong nước và nhập khẩu để từ đó có chính sách thu mua hợp lý và đảm bảo giá bán sản phẩm không bị dao động quá nhiều, ảnh hưởng đến kế hoạch kinh doanh của khách hàng, doanh thu và lợi nhuận của Công ty.

Giá bán các sản phẩm của Công ty hiện tại đang ở mức cao nhất trên thị trường hiện nay. Tuy nhiên, sản phẩm của Công ty vẫn được khách hàng ưu tiên đón nhận do sản phẩm của Công ty có chất lượng vượt trội so với các sản phẩm khác và chất lượng các dịch vụ hậu mãi của Công ty thuộc loại tốt nhất trên thị trường.

### **Phát triển quan hệ cộng đồng**

Là một doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh, ngoài việc thực hiện các mục tiêu kinh doanh, Công ty vẫn luôn có những hoạt động để phục vụ cộng đồng xung quanh, thể hiện rõ tính nhân văn của doanh nghiệp thông qua những hoạt động như cứu trợ đồng bào lũ lụt miền Trung, trao học bổng cho các trẻ em Trường khuyết tật ở Quận 12, TP. Hồ Chí Minh và nhiều những hoạt động cộng đồng khác,....

### **6.8. Nhân hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền**

Công ty đang sử dụng thương hiệu đã được đăng ký bảo hộ tại thị trường Việt Nam.

Tên nhân hiệu: SIAM Brothers VIETNAM.

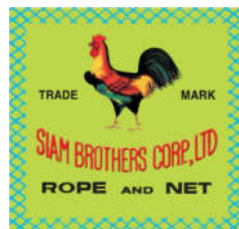
Logo của Công ty:



Công ty đã tiến hành nộp tờ khai đăng ký nhãn hiệu vào ngày 13/08/2014. Đồng thời, Công ty cũng đã hoàn tất việc đăng ký thương hiệu hình ảnh của SBVN. Các thương hiệu gồm có:

Chữ viết tắt	Logo
SIAM BROTHERS	<b>SIAM BROTHERS</b>
SIAM Brothers GROUP	<b>SIAM Brothers</b> GROUP
SBG	<b>SBG</b>
SEA HORSE	
SIAM Brothers VIETNAM	

Bên cạnh đó, Công ty cũng được quyền thừa hưởng và sử dụng logo con gà được đăng ký bởi Công ty mẹ là Công ty Cổ phần đầu tư Thông Minh cho các sản phẩm dây thừng:



### 6.9. Các hợp đồng lớn đã và đang được thực hiện

Công ty bán hàng thông qua một chuỗi các đại lý trải đều khắp các khu vực trong cả nước. Công ty và khách hàng chỉ ký kết các hợp đồng nguyên tắc và được rà soát hàng năm. Dưới đây là một số hợp đồng nguyên tắc với các đại lý tiêu biểu:

**Bảng 13: Danh sách các hợp đồng lớn**

STT	Tên đối tác	Giá trị hợp đồng dự kiến năm 2016	Sản phẩm	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện
1	Miền Nam: bao gồm các khách hàng Nghĩa Thái, Ngọc Tỷ và các đại lý khác	300 tỷ	Dây thừng	23/12/2013	2017
2	Miền Bắc bao gồm các khách hàng Hồng Kim Soa...	85 tỷ	Dây thừng	3/6/2014	2016
3	Miền Trung: bao gồm các khách hàng Hoàng Nhật, Mỹ Linh, Quang Hùng, Hải Hiệp Phú, Cầu Thành...	80 tỷ	Dây thừng	3/6/2014	2016
4	Dự án khác	12 tỷ	Dây thừng	3/6/2014	2016
5	Xuất khẩu thị trường Indonesia (CV Medan + ...)	13.5 tỷ	Dây thừng	2016	2016
6	Xuất khẩu thị trường Nhật Bản (Bellwood + Matai +..)	10 tỷ	Dây thừng	2016	2016
7	Xuất khẩu thị trường Malaysia (JC machinery)	7.80 tỷ	Dây thừng	2016	2016
8	Xuất khẩu thị trường Myanmar (uthan Maung, Myanmar Kanyotan...)	0.6 tỷ	Dây thừng	2016	2016
9	Các thị trường mới khai thác trong năm 2016 : singapore , sri lanka , Africa , South America ,....	12 tỷ	Dây thừng	2016	2016

## 7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

### 7.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong hai năm gần nhất

**Bảng 14: Một số chỉ tiêu hoạt động kinh doanh 2015 - 2016**

*Đơn vị: Triệu đồng*

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	% Tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	450.473	616.781	36,92%
Doanh thu thuần	461.648	508.440	10,14%
Lợi nhuận từ HĐKD	87.198	129.805	48,86%
Lợi nhuận khác	(1.970)	1.595	80,96%
Lợi nhuận trước thuế	85.227	131.400	54,18%
Lợi nhuận sau thuế	82.158	113.894	38,63%
EPS (đồng/cổ phiếu)	5.028	6.111	21,54%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (%)	49,72%		

*Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2015 và 2016*

Hoạt động kinh doanh của Công ty từ năm 2015 đến năm 2016 có sự tăng trưởng rõ rệt. Sự tăng trưởng đáng kể trong năm 2016 vừa qua có được là do Công ty gặp nhiều thuận lợi trong giá thành nguyên vật liệu do giá hạt nhựa PE và PP vẫn trên đà giảm giá.

Tính đến cuối năm 2016, Lợi nhuận từ Hoạt động kinh doanh đã đạt hơn 129 tỷ đồng (tăng 48,86% so với cả năm 2015), trong khi đó Lợi nhuận sau thuế đạt gần 114 tỷ đồng (tăng hơn 50% so với cả năm 2015). Một điểm nữa đáng chú ý trong năm 2016 là các chi phí/hoạt động phát sinh khác đã chuyển từ lỗ gần 2 tỷ đồng năm trước thành lãi gần 2 tỷ đồng trong năm nay. Điều này đạt được là do Công ty trong thời gian qua đã có chính sách bán hàng tiếp cận đến các cửa hàng bán lẻ ngoài kênh truyền thống là các đại lý. Bên cạnh đó, công suất sản xuất cũng tăng lên do nhà máy số 3 đã đi vào hoạt động, tăng khả năng cung cấp sản phẩm cho thị trường của công ty

### 7.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2016

Công ty đã đạt được kết quả kinh doanh khá tốt trong năm 2016 do thời gian qua Công ty gặp nhiều thuận lợi về nhiều mặt, từ khâu đầu vào đến đầu ra. Dưới đây là những nhân tố chính ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm vừa qua.

#### a) Những nhân tố thuận lợi:

- Giá nguyên liệu hạt nhựa PE, PP có xu hướng giảm trong các tháng cuối năm 2016.
- Lãi suất vay nợ trong hai năm vừa qua giảm khá mạnh, đến nay còn khoảng 7%/năm, do đó Công ty cũng được hưởng lợi. Chi phí vay vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh đã giảm đáng kể

- Chất lượng sản phẩm của Công ty dẫn đầu thị trường nên được khách hàng của Công ty trên thị trường tín nhiệm. Sản phẩm của Công ty có chất lượng tốt có chất lượng đồng đều và nhất quán.
- Các sản phẩm của Công ty đáp ứng được nhu cầu của khách hàng và phù hợp với các nhu cầu mới của thị trường.
- Đội ngũ nhân sự của Công ty có trình độ nhiều kinh nghiệm, luôn tâm huyết với sự phát triển của Công ty. Điều này giúp cho Công ty luôn duy trì được chất lượng sản phẩm tốt nhất trên thị trường.
- Hệ thống máy móc sản xuất với công nghệ hiện đại, được nhập khẩu từ các nước tiên tiến, có thể sản xuất được tất cả các loại dây thừng có đường kính từ 1,5mm cho đến 120mm để đáp ứng các nhu cầu đa dạng của khách hàng.
- Hệ thống phân phối rộng lớn: Công ty có hệ thống mạng lưới các đại lý phân phối trải dài vùng ven biển Việt Nam, với 22 nhà phân phối lớn và hơn 600 cửa hàng bán lẻ tại 28 tỉnh, thành trên cả nước. Điều đặc biệt là các nhà phân phối, đại lý này đã gắn bó lâu năm với Công ty, tạo nên mối quan hệ vững chắc giữa Công ty và các đại lý.
- Sản phẩm của Công ty có giá bán thuộc hàng đầu trên thị trường, cao hơn so với những sản phẩm của các công ty khác từ 10% đến 30% nhưng vẫn được khách hàng đón nhận do uy tín công ty và chất lượng sản phẩm có ưu thế vượt trội hơn so với các sản phẩm khác cùng ngành.
- Chính sách bảo hành các sản phẩm của Công ty đều được bảo hành với thời hạn 3 năm. Đến thời điểm hiện tại, Công ty là nhà sản xuất duy nhất có chế độ bảo hành với thời gian dài như vậy. Đây thực sự là lời cam kết chắc chắn về sản phẩm của Công ty với các khách hàng.

#### **b) Những nhân tố khó khăn**

- Sự cạnh tranh quyết liệt về giá cả và chất lượng sản phẩm của các đối thủ cạnh tranh cùng ngành đã ảnh hưởng đến tình hình doanh thu và lợi nhuận của Công ty.
- Tình hình bất ổn tại vùng biển miền Trung do nằm trong khu vực bị Trung Quốc tranh chấp, đã làm ảnh hưởng đến hoạt động đánh bắt cá của ngư dân. Yếu tố này đã ảnh hưởng đến quá trình đầu tư tàu, ghe mới và do đó ảnh hưởng đến quá trình tiêu thụ sản phẩm của Công ty.
- Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm 2016 có xu hướng tăng mạnh so với năm 2015 do Công ty tiếp tục thực hiện kế hoạch mở rộng hệ thống phân phối, cùng lúc đó cũng thực hiện nhiều hoạt động khuyến mãi và tài trợ cho khách hàng nhằm tăng cường mối quan hệ chặt chẽ với các đại lý, hệ thống phân phối trên cả nước.

### **8.1. Vị thế của Công ty trong ngành**

Theo tính toán của Công ty, thị phần của Công ty chiếm 24% trên tổng sản phẩm thị phần các loại dây (theo số liệu tính toán năm 2014), tính riêng trong lĩnh vực nông ngư nghiệp là khoảng 40%. Riêng về thị phần dây thừng, thị phần của Công ty chiếm khoảng 90%. Theo khảo sát của Công ty, 90% các đội tàu đánh bắt xa bờ đều dùng sản phẩm của Công ty.

Sản phẩm của Công ty được tiêu thụ trong nước khoảng 90% và xuất khẩu chiếm 10% tổng doanh thu của Công ty. Thị trường xuất khẩu của Công ty gồm có Nhật Bản, Indonesia,

Malaysia và Na Uy. Hiện tại Công ty vẫn đang tiếp tục nghiên cứu và phát triển sản phẩm, mở rộng thị trường để ngày càng phát triển lớn mạnh, phù hợp với xu thế và chiến lược phát triển của ngành thủy sản Việt Nam.

Tại thị trường trong nước, Công ty là một trong những doanh nghiệp hàng đầu, đi tiên phong trong lĩnh vực sản xuất dây thừng dùng trong lĩnh vực đánh bắt cá. Sản phẩm của Công ty được nghiên cứu và sản xuất bởi đội ngũ nhân sự giỏi và lành nghề. Với các sản phẩm có chất lượng tốt, giá cả hợp lý và dịch vụ hậu mãi chu đáo, sản phẩm của Công ty đã được khách hàng chấp nhận và đánh giá cao.

Theo nghiên cứu của Axis Research, “Con gà” của Công ty là thương hiệu dẫn đầu thị trường về mức độ nhận biết và yêu thích, vượt xa các đối thủ khác. Đến nay, Công ty đã phát triển được 22 nhà phân phối, 600 cửa hàng bán lẻ tại 28 tỉnh, thành duyên hải Việt Nam; và hiện chiếm đến gần 40% thị phần các loại dây trong lĩnh vực nông ngư nghiệp, riêng về thị phần dây thừng dành cho ngư nghiệp chiếm đến 90%. Đặc biệt, 90% các đội tàu đánh bắt xa bờ đều dùng sản phẩm của Công ty.

Không chỉ tiêu thụ mạnh trong nước, sản phẩm của Công ty còn được xuất khẩu các nước như Nhật Bản, Indonesia, Malaysia và Na Uy. Riêng trong năm 2016 sản phẩm của công ty vươn tới những thị trường xuất khẩu xa hơn, khó tính hơn: Đông Nam Á, Nam Á (Singapore, Myanmar, Campuchia, Sri Lanka, Bangladesh), Nam Mỹ (Nicaragua), Châu Phi (Cameroon, Madagascar)

Sản phẩm của Công ty có giá cao hơn so với các sản phẩm cùng loại nhưng chất lượng vượt trội, bảo hành 3 năm đối với tất cả các loại sản phẩm của Công ty và đa dạng về chủng loại sản phẩm

## 8.2. Triển vọng phát triển của ngành

Nuôi trồng và đánh bắt thủy, hải sản là một trong những ngành đang phát triển tại Việt Nam, tuy gần đây có gặp nhiều khó khăn và thách thức nhưng ngành thủy hải sản vẫn có mức tăng trưởng tốt so với năm ngoái. Theo số liệu của Tổng Cục Thống kê, Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản trong năm 2016 theo giá so sánh 2015 ước tính đạt gần 871 nghìn tỷ đồng, tăng 1,44%, trong đó bao gồm: Nông nghiệp đạt 642 nghìn tỷ đồng, tăng 0,7%; lâm nghiệp đạt 28 nghìn tỷ đồng, tăng 6,17%; thủy sản đạt 200 nghìn tỷ đồng, tăng 2,91%.

**Bảng 15: Giá trị Nông Lâm Thủy Sản hai năm 2015 và 2016**

	Thực hiện (Tỷ đồng)		Tỉ lệ phần trăm 2016/2015 (%)
	2015	2016	
<b>Nông nghiệp</b>	<b>637.446,58</b>	<b>642.507,57</b>	<b>100,79</b>
Trồng trọt	463.920,42	459.819,24	99,12
Chăn nuôi	163.571,11	172.438,61	105,42

Dịch vụ	9.955,05	10.249,72	102,96
<b>Lâm nghiệp</b>	<b>26.562,00</b>	<b>28.201,55</b>	<b>106,17</b>
<b>Thủy sản</b>	<b>194.372,20</b>	<b>200.034,15</b>	<b>102,91</b>
Nuôi trồng	118.399,68	121.716,23	102,80
Khai thác	75.972,53	78.317,92	103,09
<b>Tổng Cộng</b>	<b>858.380,79</b>	<b>870.743,27</b>	<b>101,44</b>

*Nguồn: Bộ Nông nghiệp*

Việt Nam có bờ biển dài trên 3.200 km và với vùng đặc quyền khai thác trên một triệu km<sup>2</sup>, chiếm gần 30% diện tích Biển Đông (theo Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982). Đây là cơ sở quan trọng để phát triển ngành thủy sản của Việt Nam. Ngành thủy sản đóng góp một phần quan trọng trong nền kinh tế và lực lượng lao động tham gia trong lĩnh vực này khá lớn nên Chính phủ Việt Nam rất quan tâm đến việc phát triển ngành thủy sản. Chính phủ Việt Nam đã đặt mục tiêu đến năm 2020, sản lượng thủy sản sẽ đạt mức 7 triệu tấn, giá trị xuất khẩu đạt mức 11 tỉ USD, trong đó khai thác chiếm 35% và nuôi trồng chiếm 65%; đến năm 2030 sản lượng thủy sản đạt mức 9 triệu tấn, giá trị xuất khẩu đạt mức 20 tỉ USD, trong đó khai thác chiếm 30% và nuôi trồng chiếm 70%.

Trong năm, sự cố môi trường ở các tỉnh ven biển phía Bắc Trung Bộ đã khiến cho ngư dân các tỉnh này phải ngừng đánh bắt ở vùng biển ven bờ trong nhiều tháng, làm ảnh hưởng đến tình hình khai thác ở các tỉnh này nói riêng và cả nước nói chung. Tuy nhiên do giá xăng dầu thấp đã tạo điều kiện cho công tác đánh bắt xa bờ phát triển nên tình hình khai thác thủy sản ở các tỉnh còn lại tương đối khả quan. Ước tính cả năm 2016 sản lượng thủy sản cả nước đạt 3121 nghìn tấn, tăng 2,8% so với năm 2015, trong đó khai thác biển tăng 3,1% đạt 2928 nghìn tấn, còn khai thác nội địa lại giảm 1% còn 193 nghìn tấn. Bên cạnh đó, ngành nuôi trồng thủy sản lại có nhiều khởi sắc đáng kể, tổng sản lượng cả nước đạt 3603 nghìn tấn, tăng 2,6% so với năm ngoái.

Để thúc đẩy sự phát triển của ngành thủy sản, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 67/2014/NĐ-CP trong tháng 7/2014. Đây là một cơ sở pháp lý quan trọng tạo cơ sở thúc đẩy ngành thủy sản phát triển, đặc biệt là lĩnh vực đánh bắt xa bờ. Trên cơ sở Nghị định này, các cơ quan có thẩm quyền hữu quan đã và đang triển khai các chính sách để thực thi Nghị định này. Các chương trình hỗ trợ ngư dân đánh bắt xa bờ đang được Chính phủ đẩy mạnh. Với các chính sách hỗ trợ này, quá trình đầu tư tàu, thuyền mới của ngư dân đang tăng trưởng.

Theo số liệu thống kê sơ bộ của Tổng cục Thủy sản năm 2015, cả nước có khoảng 106.717 chiếc, trong đó số tàu dưới 90CV là 75.009 chiếc (70,29%), số tàu từ 90CV đến 400CV là 20.735 chiếc (19,43%), từ 400CV trở lên là 10.973 chiếc (10,28%). Với các mục tiêu của Chính phủ đối với ngành thủy sản, số tàu đánh bắt xa bờ đến năm 2020 dự kiến có khoảng 28.000 –

30.000 chiếc. Đây là cơ hội của các doanh sản xuất và kinh doanh dây thừng và ngư cụ, đặc biệt là doanh nghiệp sản xuất dây thừng có kích thước dài, đường kính lớn, dùng cho các tàu đánh bắt xa bờ. Đây là thế mạnh của Công ty vì công nghệ sản xuất và các thiết bị của Công ty đáp ứng được các yêu cầu về chất lượng sản phẩm cũng như kích cỡ của các loại dây.

Theo nghiên cứu nội bộ của Công ty, nhu cầu về các loại dây thừng như sợi PP, chỉ, dây thừng PE, dây thừng PP 3 tao, dây thừng PP 4 tao, dây thừng PP 8 tao, dây tao, dây chỉ, lưới và đèn tập hợp cá của các tàu đánh bắt xa bờ sẽ tăng đột biến trong thời gian tới.

### 8.3. So sánh về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp trong cùng ngành

So sánh về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp trong cùng ngành năm 2015

**Bảng 16: Tình hình tài chính một số doanh nghiệp cùng ngành 2015**

Tên công ty	Siam Brothers Việt Nam	Garware Wall Rope (Ấn Độ)	Nitto Seimo (Nhật)	King Chou Marine (Đài Loan)	Lưới Sài Gòn (Việt Nam)
Tổng tài sản	20,2	112,2	157	109,2	2,5
Vốn chủ sở hữu	9,9	49,9	33,3	62,9	2,3
Doanh thu thuần	20,7	128	149,3	89,0	7,4
Biên lợi nhuận thuần	18,88%	8,52%	20,1%	24,2%	14,3%
ROE	37,11%	14,71	11,52	15,31	20,05
ROA	18,24%	6,64	2,32	8,08	16,97
Vốn hóa thị trường		63,8	35,6	86,2	2,1

*Đơn vị: Triệu USD*



So sánh về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp trong cùng ngành năm 2016

**Bảng 17: Tình hình tài chính một số doanh nghiệp cùng ngành năm 2016**

*Đơn vị: Triệu USD*

Tên công ty	Siam Brothers Việt Nam	Garware Wall Ropp (Ấn Độ)	Nitto Seimo (Nhật)	King Chou Marine (Đài Loan)	Lưới Sài Gòn (Việt Nam)
Tổng tài sản	27,12	122,6	180,4	111,3	2,41
Vốn chủ sở hữu	18,90	55,25	41,2	38	2,23
Doanh thu thuần	22,33	126,1	138,6	19,7	6,38
Biên lợi nhuận thuần	25,53%	7,53%	6,63%	17,7%	9,43%
ROE	26,49%	18,31%	14,58%	18,44%	21,60%
ROA	18,46%	8,20%	3,12%	10,39%	20,01%
Vốn hóa thị trường		236,8	46,8	106,8	3,37

*Nguồn: Bloomberg*

#### **8.4. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới.**

Quyết định số 1690/QĐ-TTg của Chính Phủ năm 2010 đã phê duyệt chiến lược phát triển thủy sản của Việt Nam đến năm 2020 sẽ phát triển thủy sản thành một ngành sản xuất hàng hóa, có thương hiệu uy tín, có khả năng cạnh tranh cao trong hội nhập kinh tế quốc tế với tốc độ tăng giá trị sản xuất ngành thủy sản từ 8 - 10%/năm, kim ngạch xuất khẩu thủy sản đạt 8 - 9 tỷ USD/năm. Điều này có tác động tích cực đến sự ổn định và tăng trưởng đầu ra của Siam Brothers, giúp tăng sản lượng trong những năm tới và hoàn toàn phù hợp với định hướng đẩy mạnh sản xuất của Công ty.

Việc thông qua Hiệp định tự do thương mại (FTA) giữa Việt Nam và châu Âu đã ký vào tháng 08/ 2015 sẽ là cơ hội lớn cho hàng nông/thủy sản của Việt Nam vào châu Âu, giảm gánh nặng về hàng rào thuế quan và đặc biệt là tránh được những quy định khắt khe về kiểm dịch động thực vật, giúp gia tăng nhu cầu tiêu thụ sản phẩm của công ty

Ngành thủy sản là một trong những lĩnh vực quan trọng của nền kinh tế Việt Nam. Theo nghị

định số 1445/QĐ-TTg, Chính phủ phấn đấu đến năm 2020 sản lượng khai thác thủy sản đạt 2,4 – 2,6 triệu tấn/năm, trong đó tập trung vào các đối tượng có giá trị kinh tế cao như tôm mực, bạch tuộc, cá ngừ ... Bên cạnh đó, Chính phủ cũng khuyến khích việc hiện đại hóa máy móc vật tư ngư lưới, chủ trương phát triển việc khai thác xa bờ và giảm tỷ trọng khai thác ven bờ. Phấn đấu đến năm 2020, tỉ lệ số tàu cá nhỏ dưới 20 mã lực sẽ giảm từ gần 50% hiện nay xuống còn 34,5%, còn lại sẽ là các tàu trọng tải trung và lớn. Đối với dụng cụ đan lưới, Chính phủ hạn chế các loại lưới gây hại đến môi trường như lưới rê, lưới kéo, nhưng khuyến khích các loại lưới khác như lưới câu, lưới vây... Với các chính sách và định hướng của Chính phủ để thúc đẩy sự phát triển ngành thủy sản như đã nêu trên, Công ty nhận thấy nhu cầu về ngư cụ sẽ gia tăng. Do đó, đây là cơ hội cho các doanh nghiệp trong lĩnh vực sản xuất ngư cụ. Với định hướng đầu tư và sản xuất các sản phẩm có chất lượng cao, phù hợp với nhu cầu của ngư dân, Công ty tin tưởng định hướng của Công ty hoàn toàn phù hợp với chính sách của Nhà nước và xu thế chung của thế giới.

## 9. Chính sách đối với người lao động

### 9.1. Cơ cấu lao động

Đến thời điểm hiện tại, lực lượng lao động của Công ty có 407 người, với cơ cấu như sau:

**Bảng 18: Cơ cấu lao động**

Tiêu chí phân loại	Số lượng	Tỷ lệ
<b>Phân theo trình độ</b>	<b>407</b>	<b>100%</b>
– Đại học	97	24%
– Trình độ trung cấp và cao đẳng	117	29%
– Lao động phổ thông	193	47%
<b>Phân theo đối tượng lao động</b>	<b>407</b>	<b>100%</b>
– Nhân viên gián tiếp	83	20%
– Nhân viên trực tiếp	324	80%
<b>Phân theo thời hạn hợp đồng lao động</b>	<b>407</b>	<b>100%</b>
– Không xác định thời hạn	319	78%
– Có xác định thời hạn	88	22%

### 9.2. Chính sách đối với người lao động

#### Chính sách tiền lương

Tiền lương, tiền thưởng được chi trả căn cứ vào tổng quỹ tiền lương và mức trích lập quỹ khen thưởng được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua. Việc phân phối tiền lương, thưởng theo Quy chế tiền lương, tiền thưởng được Hội đồng quản trị thông qua.

Công ty trả lương theo thời gian làm việc nhằm khuyến khích cán bộ công nhân viên nỗ lực nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh, hàng năm, cán bộ công nhân viên được xét tăng lương phụ thuộc vị trí công việc, mức độ hoàn thành công việc và năng lực thực tế của nhân viên. Tiền lương của người lao động gồm có:

- Lương chức danh theo trình độ nghiệp vụ chuyên môn;
- Lương tháng 13;
- Phụ cấp cho những vị trí công việc đặc thù;
- Chế độ xem xét tăng lương gắn liền với hiệu quả công việc và hiệu quả hoạt động của Công ty.

Ngoài tiền lương cơ bản và phụ cấp công việc, Công ty áp dụng các trợ cấp như sau:

- Trợ cấp tiền chuyên cần: 200.000 đồng/tháng dành cho nhân viên Nhà máy.
- Trợ cấp tiền điện thoại (áp dụng cho nhân viên làm việc tại văn phòng):
  - Giám đốc: 500.000 đồng/tháng;
  - Trưởng phòng: 400.000 đồng/tháng;
  - Phó phòng, trợ lý: 200.000 đồng/tháng;
- Trợ cấp tiền cơm cho nhân viên văn phòng: 20.000 đồng/ngày, đối với công nhân viên nhà máy được Công ty phục vụ cơm trưa.
- Trợ cấp đồng phục:
  - Đối với công nhân sản xuất: 03 đôi giày và 04 áo, 02 nón/nữ/năm.
  - Đối với nhân viên văn phòng: 03 bộ đồng phục/năm.

### **Chính sách tiền thưởng**

Nhằm khuyến khích, động viên cán bộ công nhân viên trong Công ty tăng năng suất và hiệu quả lao động, Công ty luôn có chính sách khen thưởng phù hợp và kịp thời cho nhân viên dựa trên kết quả hoạt động hàng tháng, hàng quý, hàng năm.

Người lao động có thành tích công tác, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, nghiêm chỉnh chấp hành mọi nội quy của Công ty và quy định của đơn vị đều được xét khen thưởng. Tiêu chuẩn, hình thức và mức độ khen thưởng được thực hiện theo Quy chế khen thưởng của Công ty. Căn cứ vào kết quả đánh giá cán bộ, công nhân viên và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm của Công ty, Giám đốc Công ty quyết định việc chi thưởng cuối năm cho người lao động. Việc xét thưởng được thực hiện theo Quy chế thưởng hiệu quả (lương năng suất) và hoặc quy định khác về thi đua khen thưởng (nếu có) của Công ty, cụ thể gồm nhưng không giới hạn các loại thưởng điển hình như sau:

- Thưởng theo thành tích của cá nhân được phân chia căn cứ theo đánh giá xếp loại A,B,C, mức lương và ngày công.
- Thưởng theo thành tích của Phòng/ Ban được phân chia căn cứ theo mức độ hoàn thành kế hoạch về doanh thu lợi nhuận của các Phòng/ Ban.
- Thưởng cải tiến, sáng kiến làm lợi cho Công ty, thưởng cho cá nhân và nhóm người đạt được thông qua các phong trào trong Công ty.
- Tùy tình hình kinh doanh hàng năm, công ty sẽ thưởng vào các ngày: tết dương lịch, ngày Lễ 30/4 và 1/5; ngày Quốc khánh 2/9.
- Tiền thưởng Tết âm lịch sẽ dựa trên kết quả kinh doanh của Công ty được xét và phát

trước Tết âm lịch.

- Thường khác (nếu có).
- Phụ cấp công việc: Dựa vào tính chất công việc mà người sử dụng lao động và người lao động có thể thương lượng mức phụ cấp khác nhau.

### **Chính sách đào tạo**

Công ty nhận thức được rằng nguồn lực là một trong những nhân tố then chốt quyết định sự phát triển và thành công của doanh nghiệp. Do đó, đào tạo là công tác ưu tiên hàng đầu của Công ty. Công ty luôn tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động học tập nâng cao tay nghề nhằm xây dựng lực lượng lao động có tay nghề cao và đạt hiệu quả tốt nhất trong công việc.

Cung cấp cơ hội học tập liên tục và đa dạng nhằm đến việc phát triển nhân viên lên những tầm cao nghề nghiệp tương xứng với tiềm năng của mỗi người là cách mà Công ty thu hút, sử dụng và gìn giữ tài năng, đồng thời đáp ứng nhu cầu của hoạt động sản xuất kinh doanh mới ngày càng nhiều thách thức:

- Xây dựng tiêu chuẩn và lộ trình phát triển năng lực cho các cấp bậc để làm cơ sở thiết lập chương trình đào tạo hàng năm, đào tạo dài hạn,...
- Các khoá đào tạo kỹ năng giải quyết vấn đề (A3), kiến thức chuyên môn, đào tạo quản lý,... được tổ chức liên tục với chương trình thiết kế phù hợp với yêu cầu thực tế của SBVN và khả năng của những người tham dự;
- Hệ thống Giảng viên của Công ty được phát triển hài hoà từ lực lượng giảng viên nội bộ cung cấp những kiến thức, kinh nghiệm thực tiễn mang tính đặc thù của Công ty cho đến hợp tác các giảng viên cộng tác đến từ Thái Lan chọn lọc cẩn thận bởi kinh nghiệm giảng dạy đã được đánh giá cao hoặc được giới thiệu bởi những tổ chức có uy tín nhằm đảm bảo đội ngũ nhân viên Công ty có thể tiếp thu những kiến thức, kỹ năng hiện đại, hiệu quả nhất.

### **Chế độ làm việc**

- Chế độ làm việc: Công ty tổ chức làm việc 8 giờ/ngày và 40 giờ/tuần.
- Chế độ nghỉ phép, nghỉ lễ, Tết: theo quy định của pháp luật.
- Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp: Công ty thực hiện đóng bảo hiểm bắt buộc 100% cho người lao động.
- Điều kiện làm việc: Công ty trang bị đầy đủ các phương tiện làm việc cần thiết cho cán bộ công nhân viên, áp dụng chế độ định kỳ kiểm tra sức khỏe cho toàn thể CBCNV trong Công ty mỗi năm một lần
- Tổ chức những chuyến du lịch tham quan và nghỉ dưỡng, kết hợp xây dựng tinh đồng đội của cán bộ công nhân viên trong Công ty định kỳ hàng năm.

### **Các chính sách khác đối với người lao động**

- Tổ chức đi du lịch hàng năm tùy theo kết quả kinh doanh Công ty.
- Hỗ trợ học phí cho con cán bộ - công nhân viên, Tết trung thu, ngày 1/6.
- Các chương trình chăm lo cho con em CB-CNV: ngày hội gia đình SBVN, học bổng cho con em CB-CNV SBVN, khen thưởng con CB-CNV có thành tích học tập tốt.
- Hiếu hi, sinh nhật, đau ốm, thai sản.
- Vay quỹ trợ cấp thôi việc.
- Tiệc cuối năm (31/12); quà cho ngày Quốc tế phụ nữ (8/3).
- Tổ chức các hội thi : văn nghệ, thể thao, ....tạo sân chơi cho cán bộ - công nhân viên.
- Khám sức khỏe định kỳ 1 năm/1 lần.

Công ty mua thêm Bảo hiểm Siam care (mua phần bảo hiểm nội trú dành cho cán bộ - công nhân viên làm việc tại Công ty từ đủ một năm trở lên), bảo hiểm tai nạn(24/24) cho cán bộ - công nhân viên sau khi ký hợp đồng chính thức.

### **10. Chính sách cổ tức**

Công ty chi trả cổ tức cho cổ đông dựa trên kết quả kinh doanh hàng năm. Công ty thực hiện chi trả cổ tức theo Quyết định của Đại Hội đồng cổ đông. Tỷ lệ cổ tức chi trả cho cổ đông các năm từ 2011 đến năm 2016 như sau:

**Bảng 19: Tỷ lệ chi trả cổ đông 2011 – 2016**

Năm	Tỷ lệ cổ tức/Mệnh giá	Ghi chú
2011	45%	Tiền mặt
2012	52%	Tiền mặt
2013	53,33%	20% bằng tiền mặt và 33,33% bằng cổ phiếu.
2014	27%	Tiền mặt
2015	45%	Tiền mặt

Công ty đã có chính sách cổ tức tốt nhất cho các cổ đông trong các năm vừa qua và Công ty sẽ nỗ lực để duy trì mức cổ tức hợp lý nhất theo kết quả kinh doanh của Công ty.

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 số 01/2016/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10/05/2016 thông qua việc chi trả cổ tức năm 2015 bằng tiền mặt là 4.500 đồng/ cổ phiếu. Đến nay, công ty đã trả đủ số tiền cổ tức này.

## 11. Tình hình hoạt động tài chính

### 11.1. Các chỉ tiêu cơ bản:

#### a) Báo cáo về vốn điều lệ, vốn kinh doanh và tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh

Số liệu về tình hình vốn điều lệ và vốn kinh doanh của Công ty như sau:

**Bảng 20: Tình hình vốn điều lệ và vốn kinh doanh 2015 – 2016**

*Đơn vị: Triệu đồng*

<b>Khoản mục</b>	<b>31/12/2015</b>	<b>31/12/2016</b>
<b><u>Vốn chủ sở hữu</u></b>	<b><u>221.393</u></b>	<b><u>429.952</u></b>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	163.400	205.400
Thặng dư cổ phần	1.000	94.625
Cổ phiếu quỹ	(600)	(600)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	14.908	14.908
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	42.685	115.619
<b><u>Nợ phải trả</u></b>	<b><u>229.081</u></b>	<b><u>186.828</u></b>
Nợ ngắn hạn	210.780	179.952
Nợ dài hạn	18.301	6.876
<b><u>Tổng vốn kinh doanh</u></b>	<b><u>450.473</u></b>	<b><u>616.780</u></b>

*Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2015 và 2016.*

**Bảng 21: Tình hình sử dụng vốn kinh doanh và vốn điều lệ 2015 – 2016**

*Đơn vị: Triệu đồng*

<b>Khoản mục</b>	<b>31/12/2015</b>	<b>31/12/2016</b>
<b><u>Tài sản ngắn hạn</u></b>	<b><u>285.591</u></b>	<b><u>469.008</u></b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	57.970	202.099
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	6.338	4.979
Các khoản phải thu ngắn hạn	155.107	203.453
Hàng tồn kho	54.028	41.632
Tài sản ngắn hạn khác	12.148	16.844

<b><u>Tài sản dài hạn</u></b>	<b><u>164.882</u></b>	<b><u>147.773</u></b>
Các khoản phải thu dài hạn	2.079	2.425
Tài sản cố định	103.554	86.466
Bất động sản đầu tư	-	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	-
Tài sản dở dang dài hạn	441	14.188
Tài sản dài hạn khác	58.809	44.694
<b>Tổng tài sản</b>	<b>450.473</b>	<b>616.781</b>

*Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2015 và 2016.*

#### **b) Trích khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc: 3 – 20 năm
- Máy móc: 2 – 13 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn: 3 – 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý: 3 – 8 năm
- Quyền sử dụng đất: 20 năm
- Phần mềm máy tính: 2 – 5 năm

Từ tháng 10/2013, Công ty đã thực hiện thay đổi chính sách kế toán đối với tài sản cố định và khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ, cụ thể như sau:

- Nguyên giá tối thiểu của TSCĐ tăng từ 10 triệu đồng lên 30 triệu đồng. Đối với những TSCĐ trước đây không thỏa mãn điều kiện này thì giá trị còn lại được điều chỉnh sang chi phí trả trước dài hạn và phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời hạn 36 tháng.
- TSCĐ thuê tài chính được trích khấu hao như TSCĐ của Công ty. Đối với TSCĐ thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích.

**c) Mức lương bình quân của người lao động**

Mức lương bình quân của người lao động giai đoạn 2012– 2015:

- Năm 2012: 4.941.000 đ/người/tháng.
- Năm 2013: 5.357.000 đ/người/tháng.
- Năm 2014: 6.238.000 đ/người/tháng.
- Năm 2015: 6.751.000 đ/người/tháng.
- Năm 2016: 7.100.000 đ/người/tháng.

**d) Thanh toán các khoản nợ đến hạn**

Các khoản nợ đến hạn luôn được Công ty thanh toán đúng hạn và đầy đủ theo hợp đồng hoặc khế ước tiền vay. Đến cuối năm 2016, Công ty không có các khoản nợ quá hạn chưa được dự phòng. Tính đến thời điểm hiện tại, Công ty không có khoản nợ nào với các thành viên HĐQT, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán Trưởng, cổ đông lớn và những người có liên quan.

**e) Các khoản phải nộp theo quy định của pháp luật**

Công ty luôn thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản thuế giá trị gia tăng VAT, thuế xuất nhập khẩu và các khoản phí khác theo quy định của Nhà nước.

**f) Trích lập các quỹ theo quy định của pháp luật**

Việc trích lập các quỹ được căn cứ theo:

- Quy định của pháp luật;
- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong niên độ;
- Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh trong thời gian tới;
- Quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty.
- Đề xuất của Hội đồng quản trị và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

**Bảng 22: Số dư các quỹ năm 2015 và 2016:**

*Đơn vị: Triệu đồng*

Chỉ tiêu	31/12/2015	31/12/2016
Quỹ dự phòng tài chính	-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở	-	-
Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

*Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2015, 2016 đã kiểm toán của SBVN*



**g) Tổng dư nợ vay**

**Bảng 23: Tình hình nợ vay năm 2015 và 2016:**

*Đơn vị: triệu đồng*

<b>Nợ vay</b>	<b>31/12/2015</b>	<b>31/12/2016</b>
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	116.811	132.807
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	12.032	6.759
<b>Tổng cộng</b>	<b>128.834</b>	<b>139.566</b>

*Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2015, 2016 đã kiểm toán của SBVN*

**h) Tình hình công nợ**

**Bảng 24: Các khoản phải thu năm 2015 và 2016**

*Đơn vị: Triệu đồng*

<b>Các chỉ tiêu</b>	<b>31/12/2015</b>	<b>31/12/2016</b>
<b>Phải thu ngắn hạn</b>	<b>155.107</b>	<b>203.453</b>
Phải thu khách hàng	95.984	146.927
Trả trước cho người bán	14.589	28.637
Các khoản phải thu khác	31.949	24.264
Phải thu về cho vay ngắn hạn (*)	15.843	10.345
Dự phòng phải thu khó đòi	(3.258)	(6.719)
Tài sản thiếu chờ xử lý		
<b>Phải thu dài hạn</b>	<b>2.079</b>	<b>2.425</b>
<b>Tổng cộng</b>	<b>157.186</b>	<b>205.878</b>

*Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2015, 2016 đã kiểm toán của SBVN*

(\*) Chi tiết các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn

<b>Các chỉ tiêu</b>	<b>31/12/2016</b>	<b>31/12/2015</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư Thông Minh	9.621.850.000	8.887.816.562
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Việt Sơn	-	5.867.703.731
Người lao động	722.954.610	1.087.676.818
<b>Tổng cộng</b>	<b>10.344.804.610</b>	<b>15.843.197.111</b>

**Bảng 25: Các khoản phải trả năm 2015 và 2016***Đơn vị: Triệu đồng*

Các chỉ tiêu	31/12/2015	31/12/2016
<b>Phải trả ngắn hạn</b>	<b>210.780</b>	<b>179.952</b>
Vay và nợ ngắn hạn	116.811	132.807
Phải trả cho người bán	14.159	11.361
Người mua trả tiền trước	785	416
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	4.115	7.051
Phải trả người lao động	3.507	4.076
Chi phí phải trả	11.080	13.249
Các khoản phải trả phải nộp khác	53.867	2.510
Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
<b>Phải trả dài hạn</b>	<b>18.301</b>	<b>6.876</b>
Phải trả dài hạn khác	3.751	117
Vay và nợ dài hạn	12.032	6.759
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	2.518	-
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>229.081</b>	<b>186.828</b>

*Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2015, 2016 đã kiểm toán của SBVN***11.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu**

Tình hình tài chính của Công ty luôn được duy trì khá ổn định. Dưới đây là một số chỉ tiêu tài chính cơ bản của Công ty giai đoạn từ năm 2015 đến 2016:

**Bảng 26: Các chỉ tiêu tài chính năm 2015 và 2016**

Các chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2015	Năm 2016
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSLĐ/Nợ ngắn hạn)	Lần	1,35	2,61
+ Hệ số thanh toán nhanh (TSLĐ - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	Lần	1,09	2,37
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,50	0,30
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	1,03	0,43z
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
+ Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán)/Tồn kho bình quân	Lần	6,29	6,11
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	1,02	0,82
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			

+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	17,78%	22,40%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	37,10%	26,49%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	18,23%	18,47%
+ Hệ số Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	%	18,87%	25,53%
+ Thu nhập trên cổ phần (EPS)	Đồng/cổ phần	5.028	6.111

*Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2015 và 2016 đã kiểm toán của SBVN*

Trong những năm vừa qua, tình hình kinh doanh của Công ty đã có nhiều tăng trưởng vượt trội. Cụ thể trong năm 2016, chỉ tiêu về khả năng thanh toán đã có nhiều tiến triển, đặc biệt trong đó hệ số thanh toán nhanh tăng gấp đôi so với các năm trước. Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời như Hệ số Lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần hay Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trên doanh thu thuần trong năm 2016 cũng đều tăng cao so với năm 2015. Trong khi đó, các hệ số nợ trên tổng tài sản hay hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu đã giảm mạnh gần 50% so với 2 năm trước. Điều này cho thấy khả năng phát sinh lợi nhuận của Công ty có nhiều tiến bộ rõ rệt theo thời gian, chủ yếu do kế hoạch mở rộng hệ thống phân phối trong các năm qua đã giúp Công ty dễ dàng đến với tay người tiêu dùng hơn và từ đó giành được thị phần từ các đối thủ cạnh tranh.

## **12. Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng**

### **12.1 Hội đồng quản trị**

Hội đồng quản trị của Công ty hiện nay có 06 thành viên, trong đó có một Chủ tịch, một Phó Chủ tịch và bốn thành viên. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị gồm có:

Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ
Ông Veerapong Sawatyanon	1962	Chủ tịch HĐQT
Ông Itthapat Sawatyanon	1973	Thành viên HĐQT
Ông Huỳnh Tiến Việt	1969	Thành viên HĐQT
Ông Lê Trần Anh Tuấn	1971	Thành viên HĐQT
Ông Lê Phụng Hà	1964	Thành viên HĐQT độc lập
Ông Nguyễn Trường Hải	1975	Thành viên HĐQT độc lập

Sơ yếu lý lịch của các thành viên như sau:

#### **(1) Ông Veerapong Sawatyanon- Chủ tịch Hội đồng quản trị**

- Giới tính : Nam
- Ngày/tháng/Năm sinh: 22/08/1968.
- Nơi sinh : Thái Lan
- Quốc tịch : Thái Lan.
- Dân tộc : Thái.
- Quê quán : Thái Lan

- Chứng minh nhân dân/Passport: Số AA3540970 Cấp ngày 7/8/2014 tại Thái Lan.
- Địa chỉ thường trú: 157/3 đường Suksawad, phường Paklongbangbakod, quận Prasamuthjedi, tỉnh Samuthprakarn, Thái Lan.
- Số điện thoại cơ quan: 08.38912889
- Trình độ văn hóa : 12/12.
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư
- Quá trình công tác:
  - 1995 – 06/2015: Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám Đốc Công Ty CP Siam Brothers VN.
  - 06/2015 – nay: Chủ tịch HĐQT Công Ty CP Siam Brothers VN.
- Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty: Chủ tịch HĐQT .
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở tổ chức khác:
  - Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị Công ty CP Đầu Tư Thông Minh.
  - Tổng giám đốc Công ty CP Phát Triển Hạ tầng Việt Sơn.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không
- Các khoản nợ với Công ty (đến ngày 31/12/2016): 0 đồng.
- Số cổ phiếu nắm giữ (đến ngày 31/12/2016): 14.287.182 cổ phần.
  - Cá nhân nắm giữ: 800.000 cổ phần.
  - Đại diện Công ty CP Đầu tư Thông Minh sở hữu: 13.427.182 cổ phần.
  - Đại diện Công ty CP Siam Brothers Việt Nam: 60.000 cổ phần
- Số lượng cổ phiếu của những người liên quan (đến ngày 31/12/2016):

STT	Tên cá nhân / tổ chức	Số CMND / Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc số GCN đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp	Số lượng CP/CCQ nắm giữ, tỷ lệ sở hữu trên vốn điều lệ của công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có)	Mối quan hệ
1	Pratip Sawatyanon	AA1862796 – 29/04/2013 – Thái Lan	439.284	Cha
2	Anakpat Sawatyanon	AA4212215 – 19/11/2014 – Thái Lan	0	Mẹ
3	Itthapat Sawatyanon	AA2277028 – 01/10/2013 – Thái Lan	800.000	Em
4	Kanokthip Sawatyanon	AA1185883 – 19/07/2013 – Thái Lan	10.000	Em
5	Walanlak Sawatyanon	AA6343345 – 15/03/2016 – Thái Lan	39.000	Em

6	Vimuttiratna Sawatyanon	AA5952707 – 22/12/2015 – Thái Lan	39.000	Em
7	Ngô Từ Đông Khanh	C2092984 – 27/07/2016 – Cục QL XNC	20	Vợ
8	Sawatyanon Pemica	AA5967523	0	Con
9	Sawatyanon Kitpipat Ngo	AA4157648	0	Con
10	Công ty CP Đầu tư Thông Minh	1100707813 – 13/02/2015 – Sở KH & ĐT Long An	13.427.182	Người khai là Thành viên HĐQT Công ty CP Đầu tư Thông Minh
11	Công ty CP Phát triển Hạ Tầng Việt Sơn	1100590604 – 13/05/2003 – Sở KH & ĐT Long An	0	Người khai là Tổng Giám đốc Công ty CP Phát triển Hạ Tầng Việt Sơn
12	Công ty CP Siam Brothers Việt Nam	0300812161 – 28/11/2016 – Sở KH & ĐT TP Hồ Chí Minh	60.000	Người khai là Chủ tịch HĐQT Công ty CP Siam Brothers Việt Nam

**(2) Ông Itthapat Sawatyanon – Thành viên Hội đồng quản trị**

- Giới tính : Nam
- Ngày/tháng/Năm sinh: 31/08/1973
- Nơi sinh : Thái Lan
- Quốc tịch : Thái Lan.
- Dân tộc : Thái.
- Quê quán : Thái Lan
- Chứng minh nhân dân/Passport: Số AA2277028, cấp ngày 1/10/2013 tại Thái Lan.
- Địa chỉ thường trú: 157/3 đường Suksawad, phường Paklongbangbakod, quận Prasamuthjedi, tỉnh Samuthprakarn, Thái Lan.

- Số điện thoại cơ quan : 08.38912889
- Trình độ văn hóa : 12/12.
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư
- Quá trình công tác:
  - 1995 – 06/2015: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc Công Ty CP Siam Brothers Việt Nam.
  - 06/2015 – nay: Thành viên HĐQT Công Ty CP Siam Brothers Việt Nam.
- Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty: Thành viên HĐQT
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở tổ chức khác:
  - Thành viên của Hội Đồng Quản Trị Công ty CP Đầu Tư Thông Minh.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không
- Các khoản nợ với Công ty (đến ngày 31/12/2016): Không
- Số cổ phiếu nắm giữ (đến ngày 31/12/2016): 800.000 cổ phần.
  - Cá nhân nắm giữ: 800.000 cổ phần.
  - Đại diện sở hữu: Không.
- Số lượng cổ phiếu của những người liên quan (đến ngày 31/12/2016):

STT	Tên cá nhân / tổ chức	Số CMND / Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc số GCN đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp	Số lượng CP/CCQ nắm giữ, tỷ lệ sở hữu trên vốn điều lệ của công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có)	Mối quan hệ
1	Pratip Sawatyanon	AA1862796 – 29/04/2013 – Thái Lan	439.284	Cha
2	Anakpat Sawatyanon	AA4212215 – 19/11/2014 – Thái Lan	0	Mẹ
3	Veerapong Sawatyanon	AA3540970 – 07/08/2014 – Thái Lan	800.000	Anh
4	Kanokthip Sawatyanon	AA1185883 – 19/07/2013 – Thái Lan	10.000	Em
5	Walanlak Sawatyanon	AA6343345 – 15/03/2016 – Thái Lan	39.000	Em
6	Vimuttiratna Sawatyanon	AA5952707 – 22/12/2015 – Thái Lan	39.000	Em
7	Công ty CP Đầu tư Thông Minh	1100707813 – 13/02/2015 – Sở KH & ĐT Long An	13.427.182	Người khai là Thành viên HĐQT Công ty CP Đầu tư Thông Minh

**(3) Ông Huỳnh Tiến Việt – Thành viên Hội đồng quản trị**

- Giới tính : Nam
- Ngày/tháng/Năm sinh: 11/08/1969
- Nơi sinh : Khánh Hòa
- Quốc tịch : Việt Nam.
- Dân tộc : Kinh.
- Quê quán : Khánh Hòa
- Chứng minh nhân dân/Passport: 024687232, cấp ngày 5/2/2007, tại TPHCM.
- Địa chỉ thường trú: 54/31 Bùi Quang Là, P.12, Gò Vấp, TPHCM
- Số điện thoại : 84 8 39878263 - 098 802 6895
- Trình độ văn hóa :12/12.
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư
- Quá trình công tác:
  - 1994 – 1996: Phòng Kế Hoạch Tổng Hợp Công ty Đức Thành, Q. Gò Vấp, TP HCM.
  - 1996 – 2014: Giám đốc kinh doanh Công ty CP Siam Brothers Việt Nam
  - 2014 – nay: Giám đốc điều hành Công ty CP Đầu tư Thông Minh
- Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty: Thành viên HĐQT
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở tổ chức khác:
  - Giám Đốc Điều Hành Công ty CP Đầu tư Thông Minh
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không
- Các khoản nợ với Công ty: 23.200.000 VND
- Số cổ phiếu nắm giữ (đến ngày 31/12/2016): 34.960 cổ phần.
  - Cá nhân nắm giữ: 34.960 cổ phần.
  - Đại diện sở hữu: Không.
- Số lượng cổ phiếu của những người liên quan (đến ngày 31/12/2016): Không
- Danh sách người có liên quan của người khai:

STT	Tên cá nhân / tổ chức	Số CMND / Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc số GCN đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp	Số lượng CP/CCQ nắm giữ, tỷ lệ sở hữu trên vốn điều lệ của công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có)	Mối quan hệ
1	Huỳnh Ôn	220416467 – 01/10/2001 – CA Khánh Hòa	0	Cha

2	Nguyễn Thị Hoàng Trang	025273135 – 17/03/2010 – CATPHCM	0	Mẹ
3	Huỳnh Bảo Minh Châu	025874595 – 13/01/2014 – CATPHCM	0	Con
4	Huỳnh Nhật Huy	SN 2004	0	Con
5	Huỳnh Thanh Hương	051163000026 – 04/05/2016 – Cục đăng ký QLCT Quốc gia	0	Chị
6	Huỳnh Quang Cường	024780822 – 16/11/2007 – CATPHCM	0	Anh
7	Huỳnh Tiến Nam	225056975 – 26/03/2011 – CA Khánh Hòa	0	Em

**(4) Ông Lê Trần Anh Tuấn– Thành viên Hội đồng quản trị**

- Giới tính : Nam
- Ngày/tháng/Năm sinh: 31/05/1971
- Nơi sinh : Khánh Hòa
- Quốc tịch : Việt Nam.
- Dân tộc : Kinh.
- Quê quán : Khánh Hòa
- Chứng minh nhân dân/Passport: 024687233, cấp ngày 5/2/2007, tại TPHCM.
- Địa chỉ thường trú: 75/3/10 KP1, Đường Lê Văn Khương, P. Thới An, Quận 12, Tp. HCM
- Số điện thoại cơ quan: 08 – 39878263
- Trình độ văn hóa : 12/12.
- Trình độ chuyên môn:Đại Học
- Quá trình công tác:
  - 1996 – 2000: Trợ lý Giám đốc nhà máy Công ty CP Siam Brothers Việt Nam
  - 2001 – 2013: Giám đốc nhà máy Công ty CP Siam Brothers Việt Nam
  - 2009 – nay: Giám đốc Chi nhánh Công ty CP Siam Brothers Việt nam
- Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty: Thành viên HĐQT
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở tổ chức khác: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không
- Các khoản nợ với Công ty: Không
- Số cổ phiếu nắm giữ (đến ngày 31/12/2016): 32.940 cổ phần.



- Cá nhân nắm giữ: 32.940 cổ phần.
- Đại diện sở hữu: Không
- Số lượng cổ phiếu của những người liên quan (đến ngày 31/12/2016): Không
- Danh sách người có liên quan của người khai:

STT	Tên cá nhân / tổ chức	Số CMND / Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc số GCN đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp	Số lượng CP/CCQ nắm giữ, tỷ lệ sở hữu trên vốn điều lệ của công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có)	Mối quan hệ
1	Trần Thị Thu Thủy	022913332 – 24/08/2012 - CATPHCM	0	Mẹ
2	Lê Xuân Hưng	079201012035 – 06/07/2016 – Cục trưởng cục cảnh sát TPHCM	0	Con
3	Lê Trần Bích Ngọc	220867119 – 08/09/2010 – CA Khánh Hòa	0	Chị

**(5) Ông Lê Phụng Hà– Thành viên Hội đồng quản trị**

- Giới tính : Nam
- Ngày/tháng/Năm sinh: 14/04/1964
- Nơi sinh : Thừa Thiên Huế
- Quốc tịch : Việt Nam.
- Dân tộc : Kinh.
- Quê quán : Thừa Thiên Huế
- Chứng minh nhân dân/Passport: Số 021575701, cấp ngày 6/1/2012, tại TPHCM
- Địa chỉ thường trú : 15 D1 KBT Thảo Nguyên Sài Gòn, P. Long Thạnh Mỹ, Q.9, TPHCM
- Số điện thoại cơ quan: 08 – 39878263
- Trình độ văn hóa : 12/12.
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản Trị Kinh Doanh
- Quá trình công tác :

- 1991 – 2003: Thành viên Hội đồng thành viên, Phó Tổng Giám đốc Công ty SXHTD Bình Tiên (BITIS)
  - 2003 – 2010: Phó Tổng Giám Đốc tập đoàn Kinh Đô (KDC)
  - 2009 – 2014: Thành viên HĐQT độc lập và cố vấn Chủ tịch HĐQT Tập đoàn Hoa Sen.
  - 2010 – nay: Chủ tịch hội Marketing Việt Nam (VMA)
  - 2014 - nay : Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty CP Siam Brothers Việt Nam.
- Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty: Thành viên Hội đồng Quản trị
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở tổ chức khác:
- Chủ tịch hội Marketing Việt Nam
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không
- Các khoản nợ với Công ty: Không
- Số cổ phiếu nắm giữ (đến ngày 31/12/2016): 10.712 cổ phần.
- Cá nhân nắm giữ: 10.712 cổ phần.
  - Đại diện sở hữu: Không.
- Số lượng cổ phiếu của những người liên quan (đến ngày 31/12/2016): Không
- Danh sách người có liên quan của người khai:

STT	Tên cá nhân / tổ chức	Số CMND / Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc số GCN đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp	Số lượng CP/CCQ nắm giữ, tỷ lệ sở hữu trên vốn điều lệ của công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có)	Mối quan hệ
1	Lê Phụng Đình	020351694	0	Cha
2	Trần Thị Chấn	020059937	0	Mẹ
3	Lê Trần Chinh	022579227	0	Em
4	Lê Trần Thắng	022010671	0	Em
5	Lê Thị An Bình	022635306	0	Em
6	Lê Thị Hương Bình	022762016	0	Em

7	Lê Thị Bạch Tuyệt	020600391	0	Vợ
8	Lê Nhật Anh	079088002741	0	Con
9	Lê Bảo Hoàng	024942141	0	Con

**(6) Ông Nguyễn Trường Hải – Thành viên Hội đồng quản trị**

- Giới tính : Nam
- Ngày/tháng/Năm sinh: 21/10/1975
- Nơi sinh : Bến Tre
- Quốc tịch : Việt Nam.
- Dân tộc : Kinh.
- Quê quán : Bến Tre
- Chứng minh nhân dân/Passport: Số 272444733, cấp ngày 07/12/2010, tại Đồng Nai.
- Địa chỉ thường trú: 33/2 KP8A, Tân Biên, Biên Hòa, Đồng Nai
- Số điện thoại cơ quan: 08 – 39878263
- Trình độ văn hóa : 12/12.
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản Trị Kinh Doanh.
- Quá trình công tác:
  - 1998-2001: Quản lý sản xuất công ty Nec/Tokin Việt Nam
  - 2001-2008: Quản lý nhà máy ( nhà máy Ba Vi) công ty Nestle Việt Nam
  - 2008-2010: Quản lý khâu sản xuất công ty Intel Products Việt Nam
  - 2010-nay: Phó Giám đốc Sản Xuất và Quản Lý Dây Chuyền – công ty Cổ Phần Công Nghiệp Vĩnh Tường và Giám đốc quản lý – công ty Cổ Phần Hiệp Phú.
  - 2014 - nay : Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty CP Siam Brothers VN
- Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty: Thành viên Hội đồng Quản trị.
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở tổ chức khác:
  - Phó Giám đốc Sản Xuất và Quản Lý Dây Chuyền – Công ty Cổ Phần Công Nghiệp Vĩnh Tường
  - Giám đốc quản lý – Công ty Cổ Phần Hiệp Phú.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không
- Các khoản nợ với Công ty: Không

- Số cổ phiếu nắm giữ (đến ngày 31/12/2016): 41.712 cổ phần.
  - Cá nhân nắm giữ: 41.712 cổ phần.
  - Đại diện sở hữu: Không.
- Số lượng cổ phiếu của những người liên quan (đến ngày 31/12/2016): Không
- Danh sách những người có liên quan của người khai:

STT	Tên cá nhân / tổ chức	Số CMND / Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc số GCN đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp	Số lượng CP/CCQ nắm giữ, tỷ lệ sở hữu trên vốn điều lệ của công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có)	Mối quan hệ
1	Nguyễn Văn Út	320202995 – 16/10/2016 – CA Bến Tre	0	Cha
2	Đỗ Thị Thanh	320202703 – 16/10/2016 – CA Bến Tre	0	Mẹ
3	Lê Hữu Thắng	270389940 – 29/06/2007 – CA Đồng Nai	0	Cha vợ
4	Vũ Thị Bạch Ngà	270389860 – 29/06/2007 – CA Bến Tre	0	Mẹ Vợ
5	Lê Thị Diễm Lệ	271263207 – 21/05/2008 – CA Bến Tre	0	Vợ
6	Nguyễn Thị Mỹ Trang	024613691 – 06/03/2007 – CA TPHCM	0	Em
7	Nguyễn Thị Cẩm Tú	026057923 – 16/05/2014 – CA TPHCM	0	Em

## 12.2 Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam gồm có ba thành viên:

Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ
Ông Fan Weng Kee	1956	Tổng Giám Đốc
Ông Trần Thanh Long	1973	Phó Giám Đốc thương mại
Ông Nguyễn Đức Huy	1974	Giám đốc sản xuất

### (1) Ông Fan Weng Kee – Tổng Giám đốc

- Giới tính : Nam
- Ngày/tháng/Năm sinh: 11/02/1956
- Nơi sinh : Malaysia

- Quốc tịch : Malaysia
- Dân tộc : Malaysia
- Quê quán : Malaysia
- Chứng minh nhân dân/Passport: A36197299, cấp ngày 22/09/2015, tại Malaysia.
- Địa chỉ thường trú: 87/1 Quốc lộ 1A, Phường Tân Thới Hiệp, Quận 12, TPHCM
- Số điện thoại : 0906 873 686
- Trình độ văn hóa : 12/12.
- Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ
- Quá trình công tác:
  - 1984-1988: Giảng viên Đại Học Huddersfield, Vương Quốc Anh.
  - 1992-1996: Giám Đốc bộ phận Chuỗi Cung Ứng và Hệ thống thông tin Công ty Zuellig Pharma, Thái Lan.
  - 1997-1999: Trưởng đại diện Kodak Representatives Offices tại Việt Nam.
  - 2000-2006: Phó Tổng giám đốc Pataya Foods Industries Limited, Thái Lan.
  - 2006-2009: Phó Tổng Giám Đốc Phillips Foods Asia Co Ltd.
  - 2011-2015: Giám đốc Công ty Thai Union Frozen Group PCL (TUF).
  - 2015 - nay: Tổng giám đốc Công ty CP Siam Brothers Việt Nam.
- Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty: Tổng Giám Đốc Công ty CP Siam Brothers Việt Nam.
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở tổ chức khác: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không
- Các khoản nợ với Công ty: 0 VND
- Số cổ phiếu nắm giữ (đến ngày 31/12/2016): 0 cổ phần.
  - Cá nhân nắm giữ: 0 cổ phần.
  - Đại diện sở hữu: Không
- Số lượng cổ phiếu của những người liên quan (đến ngày 31/12/2016): Không.

– Danh sách người có liên quan của người khai:

STT	Tên cá nhân / tổ chức	Số CMND / Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc số GCN đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp	Số lượng CP/CCQ nắm giữ, tỷ lệ sở hữu trên vốn điều lệ của công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có)	Mối quan hệ
1	Fan Keng	Đã Mất		Cha
2	Leong Woon Chee	Đã Mất		Mẹ
3	Fan Lai Yee	500215715240 – Malaysia ID	0	Anh/Chị/Em
4	Fan Weng Foon	540601085693 – Malaysia ID	0	Anh/Chị/Em
5	Fan Weng Choon	580225085513 – Malaysia ID	0	Anh/Chị/Em
6	Suda Siripoksup	AA2844612 – 12/06/2014 – Bangkok	0	Vợ
7	Piyarat Siripoksup	AA2810008 – 20/12/2013 – Bangkok	0	Con
8	Lalita Siripoksup	AA1976309 – 23/04/2014 – Bangkok	0	Con

**(2) Ông Trần Thanh Long – Phó Giám đốc thương mại**

- Giới tính : Nam
- Ngày/tháng/Năm sinh : 23/09/1973
- Nơi sinh : TPHCM
- Quốc tịch : Việt Nam.
- Dân tộc : Kinh.
- Quê quán : Hà Nam
- Chứng minh nhân dân/Passport: Số B4859604 Cấp ngày 06/12/2010 tại Cục Quản lý Xuất nhập cảnh.
- Địa chỉ thường trú: 624/3b Kha Vạn Cân , Phường Linh Đông , Quận Thủ Đức
- Số điện thoại cơ quan : 08 – 39878263
- Trình độ văn hóa : 12/12.
- Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ Quản Trị Kinh Doanh
- Quá trình công tác:
  - 2002-2005 : Giám đốc kinh doanh Công ty TNHH Gạch men Hoàng Gia.
  - 2005 -2007 : Trưởng VPDD Gold Success Industries tại Vietnam

- 2007-2010 : Giám đốc kinh doanh công ty TNHH Gạch men Vicera
- 2010-2012 : Giám đốc phát triển kinh doanh Công ty xi măng Công thanh
- 2012-nay : Phó Giám đốc Thương Mại Công ty CP Siam Brothers Vietnam
- Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty: Phó Giám đốc Thương mại
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở tổ chức khác:
  - Giám đốc Công ty TNHH MTV Đặc Lộ.
  - Giám đốc Công ty TNHH AESTHETICS MARKETING ASIA VIETNAM.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không
- Các khoản nợ với Công ty: 0 VND
- Số cổ phiếu nắm giữ (đến ngày 31/12/2016): 20 cổ phần.
  - Cá nhân nắm giữ: 20 cổ phần.
  - Đại diện sở hữu: Không.
- Số lượng cổ phiếu của những người liên quan (đến ngày 31/12/2016): Không.
- Danh sách người có liên quan của người khai:

STT	Tên cá nhân / tổ chức	Số CMND / Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc số GCN đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp	Số lượng CP/CCQ nắm giữ, tỷ lệ sở hữu trên vốn điều lệ của công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có)	Mối quan hệ
1	Nguyễn Thị Thuộc		0	Mẹ
2	Trần Thị Đoan Trang	022821442 – 30/05/2007 – CATPHCM	0	Em
3	Trần Minh Quân	023274264 – 18/11/2014 – CATPHCM	0	Em
4	Trần Thanh Phong	023583334 – 27/12/2013 – CATPHCM	0	Em
5	Vũ Tuyết Hòa	023052842 – 13/11/2006 – CATPHCM	0	Vợ
6	Trần Nhất Thống	SN 2006	0	Con

**(3) Ông Nguyễn Đức Huy – Giám đốc sản xuất**

- Giới tính : Nam
- Ngày/tháng/Năm sinh: 08/02/1974
- Nơi sinh : TPHCM
- Quốc tịch : Việt Nam.

- Dân tộc : Kinh.
- Quê quán : TPHCM
- Chứng minh nhân dân/Passport: 022940940 Cấp ngày 01/12/2005 tại TP. HCM.
- Địa chỉ thường trú: 220/4/12 Hoàng Hoa Thám, P.5, Q.Bình Thạnh, TP. HCM.
- Số điện thoại : 091 883 7187
- Trình độ văn hóa : 12/12.
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư
- Quá trình công tác:
  - 1997-1999 : Kỹ sư tại Công ty TNHH Phân bón Miền Nam.
  - 2000 -2001 : Kỹ sư tại Công ty TNHH Tàu Thủy Sài Gòn.
  - 2001-2013 : Giám đốc sản xuất tại Công ty TNHH Maruel VietNam.
  - 2015 – nay: Giám đốc sản xuất tại Công ty CP Siam Brothers VN.
- Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty: Giám đốc sản xuất
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở tổ chức khác: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không
- Các khoản nợ với Công ty: 86.821.800 VND
- Số cổ phiếu nắm giữ (đến ngày 31/12/2016): 0 cổ phần.
  - Cá nhân nắm giữ: 0 cổ phần.
  - Đại diện sở hữu: Không.
- Số lượng cổ phiếu của những người liên quan (đến ngày 31/12/2016): Không
- Danh sách những người có liên quan của người khai:

STT	Tên cá nhân / tổ chức	Số CMND / Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc số GCN đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp	Số lượng CP/CCQ nắm giữ, tỷ lệ sở hữu trên vốn điều lệ của công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có)	Mối quan hệ
1	Võ Thị Kiều Tiên	020229636 – 29/07/2008 – CATPHCM	0	Mẹ
2	Nguyễn Duy Kim Hằng	024369665 – 19/04/2005 – CATPHCM	0	Vợ
3	Nguyễn Thị Minh Châu		0	Con
4	Nguyễn Thị Đan Châu		0	Con
5	Nguyễn Thị Kiều Anh	022940941 – 19/02/2002 – CATPHCM	0	Em



### 12.3 Ban kiểm soát

Ban Kiểm soát của Công ty gồm có ba thành viên:

Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ
Ông Nguyễn Trần Quỳnh	1982	Trưởng Ban kiểm soát
Bà Phó Lệ Quyên	1976	Thành viên Ban kiểm soát
Bà Mai Thị Như Ý	1985	Thành viên Ban kiểm soát

Sơ yếu lý lịch của các thành viên Ban Kiểm soát như sau:

#### (1) Ông Nguyễn Trần Quỳnh – Trưởng Ban kiểm soát

- Giới tính: Nam
- Ngày/tháng/Năm sinh: 15/10/1982
- Nơi sinh : Tp.HCM
- Quốc tịch : Việt Nam.
- Dân tộc : Kinh.
- Quê quán : Nghệ An
- Chứng minh nhân dân: Số 023593725 Cấp ngày 12/03/2013 tại Tp.HCM.
- Địa chỉ thường trú: 71/11 đường 185 Phường Phước Long B Q.9 TPHCM.
- Số điện thoại cơ quan : (08) 38912889
- Trình độ văn hóa : 12/12.
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư
- Quá trình công tác:
  - 2005 – 2008 : Quản lý sản xuất - Văn phòng đại diện Decathlon Vietnam.
  - 2008 – nay : quản lý giá thành - Văn phòng đại diện Adidas Vietnam.
  - 2011 – nay: thành viên ban kiểm soát Công ty CP Siam Brothers Vietnam.
  - Tháng 05/2016 – nay: Trưởng Ban kiểm soát Công ty CP Siam Brothers Vietnam
- Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty: Trưởng Ban kiểm soát.
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở tổ chức khác: Quản lý giá thành tại Văn phòng đại diện Adidas Vietnam.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không.
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không.
- Các khoản nợ với Công ty: Không.
- Số cổ phiếu nắm giữ (đến ngày 31/12/2016): 0 cổ phần.
  - Cá nhân nắm giữ: 0 cổ phần.
  - Đại diện sở hữu: Không.
- Số lượng cổ phiếu của những người liên quan (đến ngày 31/12/2016): Không

– Danh sách người có liên quan của người khai:

STT	Tên cá nhân / tổ chức	Số CMND / Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc số GCN đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp	Số lượng CP/CCQ nắm giữ, tỷ lệ sở hữu trên vốn điều lệ của công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có)	Mối quan hệ
1	Nguyễn Kim Quyết	023186991 – 28/03/2008 – CATPHCM	0	Cha
2	Trần Thị Bảy	020031721 – 28/03/2008 – CATPHCM	0	Mẹ
3	Nguyễn Vương Quân	024086651 – 02/04/2013 – CATPHCM	0	Em
4	Nguyễn Thị Huyền Châu	023753064 – 06/05/2015 – CATPHCM	0	Vợ
5	Nguyễn Quỳnh Thảo Linh		0	Con

**(2) Bà Phó Lệ Quyên - Thành viên Ban kiểm soát**

- Giới tính : Nữ
- Ngày/tháng/Năm sinh: 12/05/1976
- Nơi sinh : Tp.HCM
- Quốc tịch : Việt Nam.
- Dân tộc : Kinh.
- Quê quán : Tp.HCM
- Chứng minh nhân dân: Số 022918594, cấp ngày 16/07/2009, tại TP.HCM.
- Địa chỉ thường trú : 5/3 Ấp Bắc Lân, Xã Bà Điểm, Huyện Hóc Môn, TP.HCM.
- Số điện thoại cơ quan : (08) 38912889
- Trình độ văn hóa : 12/12.
- Trình độ chuyên môn : Đại học chuyên ngành Quản lý Kinh tế
- Quá trình công tác:
  - 1999 – 2003: Công ty TNHH SX-TM Trung Dũ.
  - 2005 – 2008: Công ty CP Phát triển Hạ tầng Việt Sơn.
  - 2010 – nay: Công ty CP Siam Brothers Việt Nam.
  - 2014 – nay: Công ty TNHH An Việt
- Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty: Thành viên Ban kiểm soát.

- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở tổ chức khác: Giám đốc Công ty TNHH An Việt
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không
- Các khoản nợ với Công ty: Không
- Số cổ phiếu nắm giữ (đến ngày 31/12/2016): 0 cổ phần.
  - Cá nhân nắm giữ: 0 cổ phần.
  - Đại diện sở hữu: Không
- Số lượng cổ phiếu của những người liên quan (đến ngày 31/12/2016):

STT	Tên cá nhân / tổ chức	Số CMND / Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc số GCN đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp	Số lượng CP/CCQ nắm giữ, tỷ lệ sở hữu trên vốn điều lệ của công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có)	Mối quan hệ
1	Phó Lợi Chung	022194353 – 13/02/2006 – CATPHCM	0	Cha
2	Nguyễn Thị Vân	021489826 – CATPHCM	0	Mẹ
3	Nguyễn Trí Thành	022914783 – 27/05/2014 – CATPHCM	0	Chồng
4	Nguyễn Thụy Ngọc Khánh		0	Con
5	Nguyễn Minh Quang		0	Con
6	Phó Thanh Dũ	023158139 – 21/10/2009 – CATPHCM	0	Em
7	Võ Thị Ánh Tuyết	02519984 – 21/10/2009 – CATPHCM	0	Em
8	Phó Thanh Hiếu	079080002649 – 06/10/2016 – CATPHCM		Em
9	Nguyễn Thị Ngọc Xuân	023550875 – 20/05/2010 – CATPHCM		Em
10	Phó Thanh Lê Quân	023550113 – CATPHCM		Em
11	Nguyễn Quang Trí	023778359 – 11/04/2003 – CATPHCM		Em

**(3) Bà Mai Thị Như Ý – Thành viên Ban kiểm soát**

- Giới tính : Nữ

- Ngày/tháng/Năm sinh: 04/11/1985
- Nơi sinh : Thừa Thiên Huế
- Quốc tịch : Việt Nam.
- Dân tộc : Kinh.
- Quê quán : Thừa Thiên Huế
- Chứng minh nhân dân/Passport: 230665609, cấp ngày 25/11/2002, tại Gia Lai.
- Địa chỉ thường trú: Thôn Teng Nong, xã Ia Rông, huyện Chư Púh, tỉnh Gia Lai
- Số điện thoại : 090 286 3688
- Trình độ văn hóa :12/12.
- Trình độ chuyên môn: Kế Toán
- Quá trình công tác:
  - 2007 – 2012: NV Kế toán cho Văn phòng Luật sư A.R.I.K.A
  - 2012 – nay: Kế toán trưởng tại Công ty TNHH Mực In Việt Tín
  - Từ 10/05/2016 – nay: Thành viên Ban kiểm soát CTCP Siam Brothers Việt Nam
- Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty: Thành viên Ban Kiểm soát.
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở tổ chức khác:
  - Kế toán trưởng tại Công ty TNHH Mực in Việt Tín.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không.
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không.
- Các khoản nợ với Công ty: Không.
- Số cổ phiếu nắm giữ (đến ngày 31/12/2016): Không.
- Số lượng cổ phiếu của những người liên quan (đến ngày 31/12/2016): Không
- Danh sách người có liên quan của người khai:

STT	Tên cá nhân / tổ chức	Số CMND / Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc số GCN đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp	Số lượng CP/CCQ nắm giữ, tỷ lệ sở hữu trên vốn điều lệ của công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có)	Mối quan hệ
1	Mai Quý Hữu	Đã Mất	0	Cha
2	Nguyễn Thị Thí	231150762 – 14/04/2014 – Gia Lai	0	Mẹ
3	Võ Phú Khánh	240653162 – 19/06/2014 – Đắk Lắk	0	Chồng
4	Mai Quý Hóa	231029221	0	Anh
5	Mai Quý		0	Anh

	Hương			
6	Võ Thị Trúc Nhi	SN 2012	0	Con
7	Chưa đặt tên	SN 2016	0	Con

#### 12.4 Kế toán trưởng – Bà Đặng Thị Mỹ Kim

- Giới tính : Nữ
- Ngày/tháng/Năm sinh : 20/12/1977
- Nơi sinh : Thừa Thiên Huế
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Hương Phú – Thừa Thiên Huế
- Số Chứng Minh Nhân Dân: 024717335, cấp ngày 29/03/2007, tại CA TP. Hồ Chí Minh.
- Địa chỉ thường trú: 15/09A Lê Văn Thọ, Phường 9, Quận Gò Vấp, TP. HCM
- Số điện thoại : 090 286 3688
- Trình độ văn hóa : 12/12.
- Trình độ chuyên môn : Kế Toán/ Kiểm Toán
- Quá trình công tác:
  - Từ năm 2000 – 2003: Kế toán viên tại Công ty TNHH Quảng Cáo Phong Cách.
  - Từ năm 2003 – 2008: Kế toán trưởng tại Công ty TNHH Quảng Cáo Phong Cách.
  - Từ năm 2008 – nay: Kế toán trưởng tại Công ty TNHH Quảng Cáo Nhất Phát
  - Từ tháng 05/2016 – nay: Kế toán trưởng Công ty CP Siam Brothers Việt Nam
- Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty: Kế Toán Trưởng.
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở tổ chức khác: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không.
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không.
- Các khoản nợ với Công ty: Không
- Số cổ phiếu nắm giữ (đến ngày 31/12/2016): 500 cổ phần, chiếm 0,0024% vốn điều lệ
  - Cá nhân nắm giữ: 500 cổ phần.
  - Đại diện sở hữu: Không.

– Số lượng cổ phiếu của những người liên quan (đến ngày 31/12/2016): Không

STT	Tên cá nhân / tổ chức	Số CMND / Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc số GCN đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp	Số lượng CP/CCQ nắm giữ, tỷ lệ sở hữu trên vốn điều lệ của công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có)	Mối quan hệ
1	Nguyễn Chí Hiền	024717336 – 30/08/2007 – CATPHCM	0	Chồng
2	Nguyễn Đặng Chí Hưng	SN 2006	0	Con
3	Nguyễn Đặng Chí Phát	SN 2009	0	Con
4	Đặng Diệt	190662360 – 04/05/2016 – CA Thừa Thiên Huế	0	Anh
5	Đặng Duy Việt	270723298 – 10/04/2015 – CA Đồng Nai	0	Anh
6	Đặng Thị Cúc	074166000036 – 30/08/2007 – CATPHCM	0	Chị
7	Đặng Thị Kim Hoa	280381652 – 09/10/2014 – CA Bình Dương	0	Chị
8	Đặng Thị Kim Phượng	280434963 – 09/10/2014 – CA Bình Dương	0	Chị
9	Đặng Đình Phương	280533176 – 16/03/2012 – CATPHCM	0	Anh
10	Đặng Đình Phước	280592877 – 23/06/2016 – CATPHCM	0	Anh
11	Đặng Thị Kim Thủy	280592705 – 09/10/2014 – CA Bình Dương	0	Chị
12	Đặng Thị Kim Lan	291086659 – 06/04/2016 – CA Tây Ninh	0	Chị
13	Đặng Thị Mỹ Chi	280708337 – 09/10/2014 – CA Bình Dương	0	Em

### 13. Tài sản

#### 13.1. Giá trị tài sản cố định theo Báo cáo tài chính

Giá trị tài sản cố định của Công ty tại thời điểm 31/12/2015 và 31/12/2016 được thể hiện trong Bảng dưới đây:

**Bảng 27: Giá trị tài sản cố định**

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

Hạng mục	31/12/2015			31/12/2016		
	Nguyên giá	Giá trị còn lại	% GTCL /NG	Nguyên giá	Giá trị còn lại	% GTCL /NG
<b>TSCĐ hữu hình</b>	<b>222.198</b>	<b>72.769</b>	<b>32,7%</b>	<b>221.809</b>	<b>58.575</b>	<b>26,41%</b>
Nhà cửa	55.476	30.514	55,0%	56.255	28.815	51,22%
Nhà xưởng và máy móc	156.109	39.644	25,4%	154.942	27.875	17,99%
Thiết bị văn phòng	1.912	203	10,6%	1.912	150	7,85%
Phương tiện vận chuyển	8.700	2.409	27,7%	8.700	1.736	19,95%
<b>TSCĐ thuê tài chính</b>	<b>37.792</b>	<b>30.166</b>	<b>79,8%</b>	<b>34.623</b>	<b>26.790</b>	<b>77,38%</b>
Nhà xưởng và thiết bị	37.792	30.166	79,8%	34.623	26.790	77,38%
<b>TSCĐ vô hình</b>	<b>3.547</b>	<b>619</b>	<b>17,5%</b>	<b>4.207</b>	<b>1.100</b>	<b>26,15%</b>
Quyền sử dụng đất	2.729	0	0,0%	2.729	-	0,0%
Phần mềm vi tính	818	619	75,7%	1.478	1.100	74,42%

*Nguồn: BCTC năm 2015, 2016 đã kiểm toán của SBVN*

#### 13.2. Những nhà xưởng, tài sản thuộc sở hữu của công ty (tại thời điểm 31/12/2016)

##### a) Nhà cửa, vật kiến trúc

**Bảng 28: Nhà cửa, vật liệu kiến trúc thuộc sở hữu:**

STT	Tên tài sản	Địa chỉ	Diện tích xây dựng
1	Trụ sở Công ty	Tòa nhà Anna, số 10, CVPM Quang Trung, P. Tân Chánh Hiệp, Q.12, Tp.HCM	278,7 m <sup>2</sup>
2	Nhà máy Số 1	87/1 QL1A, P. Tân Thới Hiệp, Q.12, TP.HCM.	4.594,2 m <sup>2</sup>
3	Nhà máy Số 2 (Chi nhánh 1)	Lô A201-202, đường C, KCN Thái Hòa, Đức Hòa 3, Đức Lập Hạ, Đức Hòa, Long An.	4.398,8 m <sup>2</sup>
4	Nhà máy Số 3 (Chi nhánh 2)	Lô E đường số 7, KCN Thái Hòa, Đức Hòa 3, Đức Lập Hạ, Đức Hòa, Long An.	5.046 m <sup>2</sup>

**b) Đất đai:**

Tổng số diện tích đất Công ty đang sử dụng: 62.899,96 m<sup>2</sup>, trong đó diện tích đất thuê: 62.899,96 m<sup>2</sup>. Số liệu cụ thể về đất thuê của Công ty như sau:

**Bảng 29: Danh sách đất đai:**

STT	Tên	Diện tích	Địa điểm	Đất thuộc sở hữu của Công ty/ Đất thuê	Mục đích sử dụng
1	Văn phòng Công ty	278,7 m <sup>2</sup>	Tòa nhà Anna, số 10, CVPM Quang Trung, P.Tân Chánh Hiệp, Q.12, Tp.HCM	Đất thuê	Sử dụng làm Văn phòng
2	Văn phòng Công ty (Nhà máy 1)	4.365 m <sup>2</sup>	87/1 QL1A, P.Tân Thới Hiệp, Q.12, TP.HCM	Đất thuê dài hạn 25 năm, trả tiền hàng năm, cố định theo quy định của Nhà nước	Sử dụng làm Văn phòng
3	Nhà máy Số 1	6.864m <sup>2</sup>	87/1 QL1A, P.Tân Thới Hiệp, Q.12, TP.HCM	Đất thuê dài hạn 25 năm, trả tiền hàng năm, cố định theo quy định nhà nước	Nhà xưởng
4	Nhà máy Số 2 (Chi nhánh 1)	9.886m <sup>2</sup>	Lô A201-202, đường C, KCN Thái Hòa, Đức Hòa 3, Đức Lập Hạ, Đức Hòa, Long An	Đất thuê dài hạn 50 năm, trả tiền 1 lần	Nhà xưởng
5	Nhà máy Số 3 (Chi nhánh 2)	41.506,2m <sup>2</sup>	Lô E đường số 7, KCN Thái Hòa, Đức Hòa 3, Đức Lập Hạ, Đức Hòa, Long An	Đất thuê dài hạn 50 năm, trả tiền 1 lần	Nhà xưởng

**14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong năm 2017 - 2018****14.1 Một số chỉ tiêu kinh tế tài chính chủ yếu năm 2017 -2018**

Căn cứ vào thực trạng của Công ty và môi trường kinh doanh, Công ty dự kiến sẽ đạt sản lượng 8.200 tấn các loại sản phẩm như dây thừng, chỉ cào PE, lưới PP, sợi đơn PE, lưới bùng nhùng, lưới giữ cá, lưới nuôi trồng thủy sản. Dựa vào kế hoạch sản lượng trên, Công ty dự kiến doanh thu, lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2016 - 2017 như sau:



**Bảng 30: Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và tỷ lệ cổ tức năm 2017 - 2018**

Chỉ tiêu	Năm 2016	Kế hoạch năm 2017		Kế hoạch năm 2018(*)	
		Giá trị, tỷ lệ	% tăng (giảm) so với 2016	Giá trị, tỷ lệ	% tăng (giảm) so với 2017
Doanh thu thuần	508.440	601.000	18,20%	755.000	25,62%
Lợi nhuận sau thuế	113.894	141.000	23,8%	162.100	14,96%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	22,40%	23,46%	4,73%	21,47%	(8,48%)
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/ Vốn điều lệ thực góp	55,45%	68,65%	23,8%	66,05%	(3,79%)
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	26,49%	32,79%	23,78%	29,64%	(9,61%)
Tỷ lệ cổ tức	25%	2.500-3.000		20% tiền mặt, 19,5% cổ phiếu thưởng	

*Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2016 đã kiểm toán và kế hoạch kinh doanh năm 2017 dự kiến trình ĐHCĐ thường niên năm 2017 thông qua.*

*Đơn vị: triệu đồng*

#### **15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức**

Với tư cách là tổ chức tư vấn, Công ty Cổ phần Chứng khoán Tp.HCM (HSC) đánh giá về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức trong năm 2016 - 2017 dựa trên cơ sở thu thập thông tin, nghiên cứu phân tích thực trạng hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính hiện tại của Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam là phù hợp và có thể đạt được nếu không bị ảnh hưởng bởi những nhân tố bất khả kháng.

HSC lưu ý rằng những nhận xét của HSC chỉ có giá trị tham khảo cho các nhà đầu tư. HSC khuyến cáo các nhà đầu tư nên tham khảo Bản cáo bạch này trước khi quyết định đầu tư. Các thông tin trình bày hoặc các nhận định nêu trên không hàm ý HSC bảo đảm giá trị của cổ phiếu và kết quả đầu tư vào cổ phiếu này

#### **16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết:**

Không có.

#### **17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty Cổ phần Siam Brothers mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết:**

Không có.

## V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT

1. Loại chứng khoán: **Cổ phiếu phổ thông**
2. Mệnh giá: **10.000 (Mười nghìn) đồng/cổ phiếu**
3. Tổng số chứng khoán niêm yết: **20.540.000 (Hai mươi triệu năm trăm bốn mươi nghìn) cổ phiếu**
4. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật và của Công ty

Căn cứ theo Điểm đ Khoản 1 Điều 53 Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012: Cổ đông là cá nhân, tổ chức có đại diện sở hữu là Công ty mẹ, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của công ty; cổ đông lớn là người có liên quan với thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của công ty phải cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 06 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 06 tháng tiếp theo, không tính số cổ phiếu thuộc sở hữu Nhà nước do các cá nhân trên đại diện nắm giữ. Cụ thể, đối với SBVN, số lượng cổ phiếu và thời gian hạn chế chuyển nhượng như sau:

**Bảng 31: Số lượng cổ phiếu của cổ đông là thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Ban giám đốc, Kế toán trưởng và Công ty Mẹ**

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ	Số lượng cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng	
				06 tháng kể từ ngày niêm yết	06 tháng tiếp theo
1	Veerapong Sawatyanon	Chủ tịch HĐQT	800.000	800.000	400.000
2	Itthapat Sawatyanon	Thành viên HĐQT	800.000	800.000	400.000
3	Huỳnh Tiến Việt	Thành viên HĐQT	34.960	34.960	17.480
4	Lê Trần Anh Tuấn	Thành viên HĐQT	32.940	32.940	16.470
5	Lê Phụng Hào	Thành viên HĐQT	10.712	10.712	5.356
6	Nguyễn Trường Hải	Thành viên HĐQT	41.712	41.712	20.856
7	Fan Weng Kee	Tổng giám đốc	0	0	0
8	Trần Thanh Long	Phó Giám đốc thương mại	20	20	10
9	Nguyễn Đức Huy	Giám đốc sản xuất	0	0	0

10	Nguyễn Trần Quỳnh	Trưởng BKS	0	0	0
11	Phó Lê Quyên	Thành viên BKS	0	0	0
12	Mai Thị Như Ý	Thành viên BKS	0	0	0
13	Đặng Thị Mỹ Kim	Kế toán trưởng	500	500	250
14	Công ty Cổ phần Đầu tư Thông Minh		13.427.182	13.427.182	6.713.591
<b>Tổng Cộng</b>			<b>28.575.208</b>	<b>28.575.208</b>	<b>14.287.604</b>

## 5. Phương pháp tính giá

Dữ liệu của một số công ty trong ngành dây thừng và lưới phục vụ nông, ngư nghiệp có quy mô tương đồng về vốn với Siam Brothers đang niêm yết và giao dịch trên thị trường chứng khoán trong nước và quốc tế:

Mã cổ phiếu	Tên công ty	Sàn giao dịch	Vốn chủ sở hữu (ngày 31/12/2016)	Giá Trị Sổ Sách (ngày 31/12/2016)	Giá trị sổ sách mỗi cổ phiếu tại ngày 30/09/2016	Giá chốt phiên tại ngày 29/03/2017	Số Lượng Cổ Phiếu Lưu Hành năm 2016	LNST 2016	EPS 2016	PE	PB
GRWL	Garware Wall Ropes	NSE	1,253,040,000,000	57,263.35	57,263	245,614	21,882,060	215,650,000,000	9,761	25.16	4.29
3524	Nitto Seimo King Chou	TSE	935,240,000,000	359,017.27	359,017	408,146	2,605,000	208,840,000,000	43,584	9.36	1.14
4417	Marine CTCP Lưới	TWSE	862,600,000,000	10,489.48	10,489	29,510	82,234,764	272,400,000,000	3,405	8.67	2.81
SFN	Sài Gòn	HNX	50,868,834,040	16,956.28	16,956	26,800	3,000,000	10,990,326,003	3,663	7.32	1.58
<b>Trung Bình</b>										<b>12.63</b>	<b>2.45</b>

(Dữ liệu của các công ty cùng ngành được cập nhật theo dữ liệu trên Bloomberg Terminal tại ngày 30/03/2017)

Dữ liệu của SBVN:

STT	Nội dung	Chỉ tiêu
1	Lợi nhuận sau thuế 2016	113,894,234,795
2	Số cổ phiếu lưu hành bình quân 2016	18,638,904
3	EPS 42016	6,110.57
4	P/E bình quân ngành	12.63
5	Giá cổ phiếu theo phương pháp P/E	<b>77,160.50</b>
6	Vốn chủ sở hữu (tại 31/12/2016)	429,952,487,402
7	Số cổ phiếu lưu hành tại 31/12/2016	20,480,000
8	Giá trị sổ sách một cổ phiếu (BV)	20,993.77
9	P/B bình quân ngành	2.45
10	Giá theo phương pháp P/B	<b>51,539.05</b>

### ***Đề xuất giá niêm yết cổ phiếu SBVN:***

<b>STT</b>	<b>Phương pháp</b>	<b>Giá</b>
1	Giá cổ phiếu theo phương pháp P/E	77,160.50
2	Giá theo phương pháp P/B	51,539.05
3	Giá bình quân	<b>64,349.77</b>
4	Giá chiết khấu 38%	<b>39,896.86</b>

***Lưu ý: Số liệu này căn cứ vào P/E; P/B bình quân ngành tại ngày 30/03/2017.***

Để tăng tính thanh khoản và hấp dẫn của cổ phiếu khi giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, CTCP Siam Brothers Việt Nam đề xuất giá tham chiếu là **40.000 đồng/cổ phiếu**, chiết khấu **38%** so với giá tính theo 2 phương pháp trên

### **6. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài**

Điều lệ Công ty không quy định giới hạn tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của người nước ngoài.

Quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam tuân thủ quy định tại Khoản 2 Điều 1 Nghị định 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật và Thông tư 123/2015/TT-BTC ngày 19/08/2015 của Bộ Tài chính quy định về hoạt động của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

Tại thời điểm chốt danh sách cổ đông ngày 30/12/2016, SBVN có 13 cổ đông nước ngoài (trong đó có 12 cá nhân và 1 tổ chức), nắm giữ 4.480.004 cổ phần, chiếm 21,81% vốn điều lệ.

### **7. Các loại thuế có liên quan**

Công ty hoạt động theo Luật doanh nghiệp và có đầy đủ tư cách pháp nhân do đó luôn cam kết tuân thủ đầy đủ các qui định về chính sách thuế của nhà nước. Các luật thuế có liên quan trực tiếp đến công ty là : thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, luật đấu thầu, luật đất đai, luật xây dựng.

### **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty chịu thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định hiện hành của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 năm 2008 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 32/2013/QH13 ngày 19/6/2013; Nghị định 124/2008/NĐ-CP của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp; Nghị định 122/2011/NĐ-CP của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 124/2008/NĐ-CP ngày 11/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp; Nghị định số 92/2013/NĐ-CP ngày 13/8/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều có hiệu lực từ ngày 01/7/2013 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng.

Hiện tại, Công ty đang được hưởng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 22% trên lợi nhuận tính cho năm 2015, và giảm tiếp xuống 20% từ năm 2016 trở đi. Tuy nhiên, điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đầu tư của Chi nhánh cho phép Chi nhánh được miễn thuế thu nhập trong ba năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (từ năm 2009 đến năm 2011). Ngoài ra Chi nhánh 2 vẫn được ưu đãi thuế 10% cho đến năm 2019.

### **Thuế giá trị gia tăng (VAT)**

Thuế giá trị gia tăng áp dụng đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty thực hiện theo quy định của Luật Thuế giá trị gia tăng năm 2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng năm 2013; Nghị định 123/2008/NĐ-CP của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng; Nghị định 121/2011/NĐ-CP của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 123/2008/NĐ-CP ngày 08/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng; Nghị định số 92/2013/NĐ-CP ngày 13/8/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều có hiệu lực từ ngày 01/7/2013 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng; các Thông tư hướng dẫn thi hành của Bộ Tài chính

## **CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT**

### **TỔ CHỨC TƯ VẤN:**



### **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TP HỒ CHÍ MINH**

Trụ sở chính: Tầng 5&6, Tòa nhà AB, 76 Lê Lai, Quận 1, TP.HCM

Điện thoại: (+84 8) 3823 3299, (+84 8) 3829 3826

Fax: (+84 8) 3823 3301

Website: <https://www.hsc.com.vn/vn>

### **TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:**



### **CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KPMG TẠI TP.HCM**

Địa chỉ: Lầu 10, Tòa nhà Sun Wah, Số 115, Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (+84 8) 3821 9266 Fax: (+84 8) 3821 9267

Website: [home.kpmg.com](http://home.kpmg.com)

## **VI. PHỤ LỤC**

1. Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của SBVN;
2. Điều lệ hoạt động và tổ chức của SBVN;
3. Giới thiệu những văn bản pháp luật liên quan đến tổ chức niêm yết
4. Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2015, 2016 Tổng hợp và Trụ sở chính

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 04 năm 2017

TỜ CHỨC NIÊM YẾT

CÔNG TY CỔ PHẦN SIAM BROTHERS VIỆT NAM

**CHỦ TỊCH HĐQT**  
  
**VEERAPONG SAWATYANON**

**TỔNG GIÁM ĐỐC**

  
**FAN WENG KEE**

**TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT**

  
**NGUYỄN TRẦN QUỲNH**

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

  
**ĐẶNG THỊ MỸ KIM**



TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 11 năm 2017

TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH (HSC)



PHẠM NGỌC BÍCH

GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH

